VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1588/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy đinh chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về

quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang tại Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023, Công văn số 1780/UBND-NCTH ngày 17 tháng 11 năm 2023, Công văn số 1818/UBND-NCTH ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Công văn số 1835/UBND-NCTH ngày 29 tháng 11 năm 2023; Báo cáo thẩm định số 3998/BC-HĐTĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh và kết quả rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Hậu Giang tại Văn bản số 7109/CV-HĐTĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi ranh giới lập quy hoạch tỉnh Hậu Giang bao gồm toàn bộ tỉnh Hậu Giang. Phía Bắc giáp thành phố Cần Thơ; phía Nam giáp tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu; phía Đông giáp sông Hậu, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Sóc Trăng; phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

a) Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bám sát và phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, mục tiêu, định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch, kế hoạch liên quan.

b) Xây dựng Hậu Giang thành trung tâm kết nối, trung chuyển hàng hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long; phát triển đột phá các ngành, lĩnh vực trên nền tảng đổi mới sáng tạo, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, khai thác hiệu quả tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh và chuyển đổi số, đồng thời huy động, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và các mô hình kinh tế mới dựa trên 4 trụ cột công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch theo chiến lược "Một tâm, hai tuyến, ba thành, bốn trụ, năm trọng tâm".

c) Phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm, phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực, mục tiêu, động lực của sự phát triển; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Hậu Giang trở thành tỉnh công nghiệp đạt mức khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long; có hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ; có các vùng động lực về kinh tế, công nghiệp, đô thị hiện đại; các giá trị văn hóa, lịch sử được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; người dân có cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân 8,7%/năm; GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt trên 150 triệu đồng/năm.

+ Tỷ trọng trong GRDP của khu vực nông, lâm, thủy sản khoảng 14%; khu vực công nghiệp - xây dựng khoảng 40%; khu vực dịch vụ khoảng 38%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 8%.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân 10,3%/năm.

+ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 15%/năm.

+ Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 330 nghìn tỷ đồng. Tỷ trọng vốn đầu tư chiếm khoảng 39,5% GRDP.

- Về xã hội:

+ Tốc độ dân số tăng bình quân khoảng 1%/năm.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

+ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt khoảng 90%.

+ Số giường bệnh/vạn dân đạt 41 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt 12 bác sĩ.

+ 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 20% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1% mỗi năm.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 3%.

+ 100% dân cư đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; 100% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.

+ 98% chất thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn. Trong đó khoảng 10% xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp.

+ 95% chất thải sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

+ 98% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

+ 100% chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy theo quy định.

+ Trên 50% nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các đô thị loại II; trên 20% đối với các đô thị còn lại.

+ 100% các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường.

- Về phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng:

+ Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 37%; 100% đô thị loại V trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt trên 16%; diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt 8 m^2; hạ tầng các khu đô thị được đầu tư đồng bộ, hiện đại.

3. Nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

Thực hiện 5 đột phá chiến lược của tỉnh gồm:

a) Một trung tâm (Một Tâm): Phát triển huyện Châu Thành trở thành trung tâm công nghiệp và đô thị của tỉnh.

b) Hai tuyến hành lang kinh tế động lực (Hai Tuyến): Phát triển 2 hành lang kinh tế động lực là cao tốc Cần Thơ - Cà Mau kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh và cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng kết nối với các tỉnh Nam Sông Hậu. Hình thành hành lang kinh tế trọng điểm của tỉnh.

c) Ba trung tâm đô thị (Ba Thành): Phát triển nâng tầm các trung tâm đô thị của tỉnh, gồm: Thành phố Vị Thanh, thành phố Ngã Bảy và thị xã Long Mỹ; trong đó, thành phố Vị Thanh là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

d) Bốn trụ cột kinh tế (Bốn Trụ): Công nghiệp hiện đại, nông nghiệp sinh thái, đô thị thông minh và du lịch chất lượng.

đ) Năm nhiệm vụ trọng tâm: Hoàn thiện thể chế, chính sách; phát triển nguồn nhân lực chất lượng phục vụ các lĩnh vực; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; hoàn thiện hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và công nghiệp; phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Hậu Giang là tỉnh có trình độ phát triển khá của cả nước, trung tâm sản xuất công nghiệp và logistics của vùng đồng bằng sông Cửu Long; các lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, môi trường sống trong lành, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, người dân có cuộc sống phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH TRỌNG ĐIỂM; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành trọng điểm

a) Công nghiệp

Phát triển công nghiệp trở thành ngành kinh tế chủ lực, thế mạnh của tỉnh, hình thành hệ thống các khu, cụm công nghiệp tập trung, hiện đại, quy mô lớn, hạ tầng đồng bộ để thu hút đầu tư các ngành: Công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp năng lượng, công nghiệp hỗ trợ; dược, mỹ phẩm; chế biến nông sản; logistics.

b) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn, theo chuỗi giá trị gắn với chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm chủ lực: cây ăn trái - lúa - thủy sản. Hình thành vùng chuyên canh cây ăn trái, chăn nuôi tập trung, công nghệ cao. Phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, miệt vườn, sông nước.

Phát triển thủy sản với sản phẩm chủ lực là cá tra, cá thát lát, lươn; gắn chế biến với mở rộng thị trường; khai thác gắn với bảo vệ nguồn lợi. Phát triển lâm nghiệp, nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất kết hợp với phát triển du lịch.

c) Đô thị

Mở rộng, nâng cấp các đô thị, phát triển đô thị khi có đủ điều kiện, tiêu chí theo quy định gắn với công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, theo tiêu chuẩn đô thị xanh, thông minh, giàu bản sắc và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xây dựng thành phố Vị Thanh, thành phố Ngã Bảy và thị xã Long Mỹ trở thành các đô thị trung tâm, hiện đại, hỗ trợ các hoạt động thương mại, dịch vụ và các đô thị vệ tinh phát triển.

d) Dịch vụ và du lịch

Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, du lịch dựa trên tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, hiện đại, có giá trị gia tăng lớn; trở thành tỉnh có ngành thương mại, dịch vụ và du lịch phát triển khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể:

- Du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, thúc đẩy phát triển các ngành và lĩnh vực khác. Đa dạng hóa loại hình du lịch và sản phẩm du lịch như: Du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, nông thôn.

- Đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại theo hướng văn minh, hiện đại, tác động mạnh mẽ đến hỗ trợ sản xuất và lưu thông hàng hóa; đẩy mạnh thương mại điện tử; mở rộng thị trường trong nước, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, logistics hiện đại để Hậu Giang trở thành trung tâm kết nối các hành lang kinh tế động lực và trung chuyển hàng hóa của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp

Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để xây dựng nền tảng giáo dục thông minh. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn. Xây mới, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị… đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo các cấp.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đào tạo lực lượng lao động có chuyên môn, tay nghề cao gắn với phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi nghề nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực cho phát triển giáo dục nghề nghiệp và giáo dục hòa nhập.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Phát triển và hoàn thiện hệ thống y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở đồng bộ, hiện đại; tăng cường năng lực, chất lượng y tế tuyến cơ sở; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân; tăng cường kiểm soát bệnh tật và phòng, chống các bệnh truyền nhiễm; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực và đầu tư cơ sở vật chất; xây dựng ngành y tế của tỉnh kết hợp giữa chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập; giữa phòng bệnh với khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng; giữa y học cổ truyền với y học hiện đại. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập. Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.

c) Khoa học, công nghệ

Đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và thực hiện chuyển đổi số phục vụ phát triển các ngành kinh tế - xã hội. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, khởi nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đầu tư xây dựng hoàn thiện Khu công nghệ số của tỉnh.

d) Văn hóa, thể thao

Kế thừa và phát huy bản sắc, giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, tinh thần "Bất khuất, trung hậu, anh dũng" của Bà má Hậu Giang; phát triển văn hóa trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của các di tích lịch sử, văn hóa gắn với phát triển du lịch. Chăm lo xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nhất là ở khu vực nông thôn, địa bàn tập trung khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Phát triển thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của nhân dân; đẩy mạnh phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh; đầu tư, trang bị cơ sở vật chất và nhân lực phát triển thể dục, thể thao. Khuyến khích xã hội hóa thể dục, thể thao.

đ) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công. Triển khai chương trình giảm nghèo bền vững gắn với hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi việc làm cho người dân có sinh kế bền vững.

Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ở tất cả các cấp, các lĩnh vực. Bảo đảm các quyền trẻ em và tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh để trẻ em phát triển toàn diện; quan tâm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người già neo đơn. Đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội.

Thực hiện chính sách về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng theo các chương trình, dự án; hỗ trợ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường công tác trợ giúp và bảo trợ xã hội; phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đa dạng, đủ năng lực. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư xã hội. Củng cố 50% số cơ sở ngoài công lập trong mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội; 90% số người có hoàn cảnh khó khăn được các cơ sở trợ giúp xã hội tư vấn, trợ giúp.

e) Thông tin, truyền thông

Tăng cường ứng dụng công nghệ số, xây dựng chính quyền số, xã hội số và phát triển kinh tế số; hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường.

Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong bưu chính, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin hiện

đại, trí tuệ nhân tạo (AI) để thu thập và xử lý thông tin, sản xuất chương trình; tăng cường quản lý truyền thông trên nền tảng số.

g) Quốc phòng, an ninh

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống; xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thế trận quốc phòng toàn dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bảo đảm bố trí quy hoạch đất quốc phòng, an ninh.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh gồm 4 vùng kinh tế - xã hội và 2 hành lang kinh tế.

a) Phát triển 04 vùng kinh tế - xã hội:

- Vùng Trung tâm gồm thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy, trong đó thành phố Vị Thanh là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh. Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội: Đô thị, du lịch và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng Đô thị - Công nghiệp gồm huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, là vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội: Công nghiệp, đô thị, logistics và du lịch.

- Vùng Công nghiệp - Du lịch sinh thái gồm thành phố Ngã Bảy và huyện Phụng Hiệp, tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội: Công nghiệp, đô thị, du lịch và nông nghiệp sinh thái.

- Vùng Đô thị - Nông nghiệp sinh thái gồm thị xã Long Mỹ và huyện Long Mỹ. Tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội: Phát triển nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao, đô thị và du lịch.

b) Phát triển 02 hành lang kinh tế:

Hành lang kinh tế được xác định theo các tuyến cao tốc: Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và Cần Thơ - Cà Mau. Tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội: công nghiệp, đô thị và logistics.

c) Các khu vực cần bảo tồn, hạn chế phát triển

Các khu vực cần bảo tồn: Di tích lịch sử, văn hóa; rừng đặc dụng.

Các khu vực cần hạn chế phát triển: Vùng đệm của các khu vực cần bảo tồn nêu trên và các khu vực chịu rủi ro thiên tai.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030.

Tên, địa lý và phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án phát triển hệ thống đô thị

Phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với văn hóa, tiềm năng, lợi thế của từng đô thị và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai. Điều chỉnh địa giới hành chính các đô thị hiện tại chưa bảo đảm tiêu chuẩn diện tích.

Đến năm 2030, tỉnh có khoảng 19 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại II, 02 đô thị loại III, 02 đô thị loại IV, 14 đô thị loại V. Thành lập 02 thị xã từ huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A; với 04 đô thị là trung tâm tổng hợp, chuyên ngành cấp tỉnh gồm:

- Thành phố Vị Thanh là đô thị loại II, trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, thương mại, dịch vụ và du lịch của tỉnh. Tổ chức không gian đô thị dọc theo hai bên tuyến kênh Xáng Xà No; kết nối với thành phố Cần Thơ và các đô thị theo mạng lưới giao thông.

- Thành phố Ngã Bảy là đô thị loại III, phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch; là cực phát triển phía Đông của tỉnh Hậu Giang.

- Thị xã Long Mỹ là đô thị loại III, đầu mối trung chuyển, chế biến nông sản công nghệ cao; kết nối với tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau theo quốc lộ 61B và cao tốc Cần Thơ - Cà Mau; phát triển du lịch sinh thái và văn hóa, lịch sử.

- Thị xã Châu Thành là đô thị loại IV, phát triển đô thị công nghiệp, trung tâm kinh tế và khoa học công nghệ của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Chủ động rà soát, tổ chức sắp xếp lại dân cư ở khu vực nông thôn, nhất là những nơi có nguy cơ cao bị sạt lở để bảo đảm an toàn cho người dân. Phát triển nông thôn

theo mô hình nông thôn mới gắn với vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, theo hướng xanh, bền vững, hiện đại; hình thành các vùng chuyên canh sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; chuyển đổi cơ cấu cây ăn trái và chăn nuôi tập trung, công nghệ cao phù hợp với đặc điểm tự nhiên, phong tục tập quán, văn hóa của từng vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu và nhu cầu của thị trường.

Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, có khả năng kết nối cao; phát triển sản xuất gắn với chế biến, xây dựng, định vị thương hiệu sản phẩm và đa dạng các thị trường tiêu thụ.

Phát triển các làng nghề truyền thống gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với bảo tồn, phát huy di sản, văn hóa truyền thống.

4. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Tỉnh có 04 vùng liên huyện: (1) Thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy; (2) Thành phố Ngã Bảy và huyện Phụng Hiệp; (3) Huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A; (4) Thị xã Long Mỹ và huyện Long Mỹ.

Xây dựng quy hoạch vùng liên huyện bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển, kết hợp với không gian kinh tế, các hành lang kinh tế của tỉnh.

5. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

- Vùng huyện Châu Thành là vùng động lực của tỉnh, phát triển công nghiệp, đô thị, du lịch.

- Vùng huyện Châu Thành A phát triển công nghiệp, du lịch.

- Vùng huyện Phụng Hiệp phát triển công nghiệp, đô thị.

- Vùng huyện Long Mỹ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp, dịch vụ.

- Vùng huyện Vị Thủy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với xây dựng thương hiệu.

6. Phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Thực hiện đầy đủ các chương trình mục tiêu quốc gia. Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đặc biệt hạ tầng giao thông, thông tin - truyền thông, y tế, giáo dục.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Thu hút các nhà đầu tư có năng lực tài chính, kinh nghiệm, trình độ quản lý và công nghệ hiện đại vào các ngành có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường.

- Thành lập 07 khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 1.741 ha khi đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; nghiên cứu thành lập mới 07 khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 7.200 ha trong trường hợp được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp.

- Hoàn thiện thủ tục đầu tư 7 cụm công nghiệp và nghiên cứu, thành lập mới 6 cụm công nghiệp khi có đủ điều kiện và được bổ sung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

(Chi tiết tại Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo)

2. Phương án phát triển các vùng nông nghiệp

a) Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Vùng lúa chất lượng cao diện tích khoảng 35.000 ha, tại thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh và các huyện: Châu Thành A, Phụng Hiệp, Vị Thủy, Long Mỹ.

- Vùng cây ăn trái như chanh, mít, xoài, mãng cầu, sầu riêng và một số loại cây ăn trái khác phù hợp với điều kiện tự nhiên và thổ nhưỡng theo 03 vùng thủy lợi (vùng triều cao; vùng giáp nước; vùng phèn, nhiễm mặn).

- Vùng sản xuất rau củ quả thực phẩm diện tích khoảng 8.000 ha, tại thị xã Long Mỹ và các huyện: Châu Thành A, Phụng Hiệp, Long Mỹ, Vị Thủy.

- Vùng phát triển thủy sản chuyên canh, diện tích khoảng 8.000 ha (sản xuất thâm canh các loại, cá tra chủ yếu ở huyện Châu Thành, huyện Phụng Hiệp và thành phố Ngã Bảy; cá thát lát và cá đồng ở các huyện, thị xã và thành phố).

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

b) Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Phát triển khu nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Long Mỹ với diện tích khoảng 415 ha; phần diện tích còn lại khoảng 4.785 ha sẽ phát triển công nghiệp khi đủ điều kiện, tiêu chí và được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

3. Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo

Xây dựng mới và mở rộng các khu nghiên cứu, đào tạo trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030 với tổng diện tích khoảng 352 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

4. Phương án phát triển khu thể dục, thể thao

Xây dựng mới và mở rộng các khu thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030 với tổng diện tích khoảng 537 ha, trong đó có 3 sân gôn tại các huyện: Châu Thành, Phụng Hiệp và Long Mỹ.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

5. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Bảo quản, tu bổ, phục hồi các khu bảo tồn, di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh và các khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể. Định hướng xây dựng các khu di tích khi được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận và nâng cấp, tôn tạo các di tích lịch sử đã được công nhận.

6. Khu quốc phòng, an ninh

Xây dựng khu quân sự, khu an ninh bảo đảm thế trận, sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Bố trí đủ đất để xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết về quốc phòng, an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải và logistics

Phát triển mạng lưới giao thông phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành giao thông vận tải quốc gia, đồng bộ, hiện đại, kết nối đa phương thức thúc đẩy liên kết vùng, bảo đảm an toàn giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu.

a) Đường bộ

- Các tuyến cao tốc, quốc lộ được thực hiện theo Quy hoạch, Kế hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Xây dựng 03 tuyến đường bộ cao tốc đi qua địa bàn tỉnh Hậu Giang: Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01); Tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (CT.34); Tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (CT.35).

+ Mở rộng, nâng cấp các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch được phê duyệt.

- Các tuyến đường bộ tỉnh quản lý:

+ Cải tạo, nâng cấp 15 tuyến đường hiện hữu và xây dựng mới 06 tuyến đường tỉnh; ưu tiên nguồn lực đầu tư cho dự án kết nối cao tốc và liên kết vùng nhằm phát huy hành lang kinh tế, thúc đẩy phát triển tỉnh và cả khu vực.

+ Cải tạo, nâng cấp, đầu tư các tuyến đường huyện theo quy hoạch, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện.

+ Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện, đáp ứng các tiêu chí huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Phát triển bến xe tại các huyện, thị xã, thành phố và Khu công nghiệp bảo đảm theo quy hoạch vùng huyện và quy hoạch đô thị.

- Các tuyến đường tỉnh kết nối cao tốc và kết nối Vùng

+ Cao tốc Bắc - Nam: Triển khai đầu tư các tuyến đường kết nối với các huyện Châu Thành, Phụng Hiệp, Vị Thủy, Long Mỹ.

+ Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng: Triển khai đầu tư các tuyến đường kết nối với các huyện Châu Thành A, Phụng Hiệp.

+ Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu: Triển khai đầu tư các tuyến đường kết nối với huyện Long Mỹ.

+ Đường tỉnh kết nối vùng: Quy hoạch các tuyến giao thông của Hậu Giang kết nối với tuyến đường trọng yếu của vùng để thúc đẩy liên kết như: tuyến đường bộ cao tốc Lộ tẻ - Rạch Sỏi; tuyến Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp; quốc lộ 63; quốc lộ 61C với tuyến N1; tuyến nối thành phố Vị Thanh với thành phố Cần Thơ; tuyến đường bộ ven biển phía Đông.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

b) Cảng và đường thủy nội địa

- Triển khai các cảng biển theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch, chính sách, giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Các tuyến giao thông đường thủy nội địa, khu bến cảng, khu neo đậu thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành quốc gia, cụ thể:

+ Quy hoạch 03 tuyến vận tải thủy chính, 03 tuyến đường thủy nội địa và 02 cụm cảng do Trung ương quản lý theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quy hoạch trên địa bàn tỉnh 09 tuyến đường thủy nội địa và hệ thống cụm cảng nội địa do địa phương quản lý gồm: Cảng xăng, dầu; cảng phục vụ hoạt động một số nhà máy, khu công nghiệp; cảng phục vụ hàng hóa, hành khách. Quy mô xây dựng đáp ứng tàu trọng tải 500 tấn đến 2.000 tấn, tàu khách 250 ghế.

+ Phát triển cảng, bến thủy nội địa phù hợp với các quy hoạch chuyên ngành, bảo đảm kết nối các phương thức giao thông thủy, bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

c) Cảng cạn và trung tâm logistics

- Xây mới 01 cảng cạn thuộc huyện Châu Thành, diện tích 05 ha, năng lực 50.000 Teu/năm.

- Xây mới 05 trung tâm Logistics gồm: (1) Trung tâm logistics thành phố Ngã Bảy; (2) Trung tâm logistics thành phố Vị Thanh; (3) Trung tâm logistics huyện Châu Thành A; (4) Dự án Colde Store Logistics Hậu Giang; (5) Dự án Tổng kho phân phối Mê Kông.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

a) Về nguồn điện:

Đầu tư các dự án nguồn điện thống nhất, đồng bộ, phù hợp với kế hoạch, điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

b) Mạng lưới truyền tải

- Lưới điện cao thế 500 kV: Xây mới các đoạn Sông Hậu - Đức Hòa (giai đoạn 2).

- Lưới điện cao thế 220 kV: Xây mới đoạn Châu Thành (Hậu Giang) - Rẽ Ô Môn - Sóc Trăng; nâng cấp, cải tạo trạm biến áp Châu Thành. Tổng công suất trên địa bàn tỉnh khoảng 500 MVA.

c) Mạng lưới điện phân phối

- Lưới điện cao thế 110 kV: Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện hữu; xây dựng mới các tuyến đấu nối cấp điện cho các trạm 110 kV, bảo đảm tiêu chí N-1.

- Lưới điện trung thế: Cải tạo và xây dựng mới các nhánh chính, nhánh rẽ bảo đảm cấp điện cho các khu dân cư. Tăng cường tiết diện và liên kết mạch vòng các tuyến trục trung thế để khai thác hiệu quả các trạm biến áp 110 kV. Phát triển lưới điện cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu dân cư, đô thị, các cơ sở kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông

- Phát triển bưu chính theo hướng hoàn thiện chất lượng dịch vụ số; khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng mã địa chỉ, mã định danh QR code, mã định danh xác thực điện tử của người dân (PostlD). Số hóa việc cung cấp dịch vụ bưu chính truyền thống trên cơ sở nền tảng PostlD.

- Phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông, chú trọng nâng cao chất lượng mạng di động băng thông rộng; xây dựng và phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP). Xây dựng cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực và tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

- Phát triển hạ tầng phát thanh truyền hình đa phương tiện, đa nền tảng; hiện đại hóa mạng lưới thông tin cơ sở, ứng dụng công nghệ đáp ứng được nhu cầu thông tin của người dân. Phát triển ngành báo chí, truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại. Hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ phát triển bền vững.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Phát triển mạng lưới thủy lợi theo hướng hiện đại, chủ động cấp, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh; phù hợp với phương án phân vùng, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

- Chủ động các giải pháp thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, lũ, triều cường, xâm nhập mặn, suy thoái dòng chảy thượng lưu; kịp thời bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Mạng lưới thủy lợi được phân thành 3 vùng:

+ Vùng I (triều cao), gồm: Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, thành phố Ngã Bảy và một phần diện tích huyện Phụng Hiệp.

+ Vùng II (giáp nước), gồm: Huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy và một phần diện tích của thị xã Long Mỹ.

+ Vùng III (vùng phèn, nhiễm mặn) gồm: Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh và một phần diện tích của huyện Vị Thủy.

- Các tuyến sông, kênh, đê điều: Gia cố những điểm sạt lở xung yếu; nạo vét kênh cấp 1, 2, 3 trục dọc, trục ngang để tiếp nước ngọt từ sông Hậu. Nâng cấp các trạm bơm điện để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Phân vùng cấp nước thành 4 tiểu vùng:

+ Tiểu vùng 1: Nguồn nước từ kênh Xà No, kênh Ấp Cầu Sáng và kênh Nàng Mau cấp nước cho thành phố Vị Thanh, huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy.

+ Tiểu vùng 2: Nguồn nước từ sông Cái Lớn cấp nước cho thị xã Long Mỹ và huyện Long Mỹ.

+ Tiểu vùng 3: Nguồn nước từ sông Hậu cấp nước cho huyện Châu Thành.

+ Tiểu vùng 4: Nguồn nước từ kênh Cái Côn, kênh Ngang và kênh Bún Tàu cấp nước cho thành phố Ngã Bảy và huyện Phụng Hiệp.

- Công trình đầu mối cấp nước:

+ Xây dựng nhà máy cấp nước sạch thuộc Cụm nhà máy nước sông Hậu 1 theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổng công suất 400.000 - 600.000 m^3/ngày đêm.

+ Đầu tư mở rộng Hồ Nước Ngọt lên 100 ha tại huyện Vị Thủy cung cấp nước cho thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy.

+ Cấp nước đô thị: Xây dựng 02 nhà máy nước tại huyện Vị Thủy; cải tạo, nâng cấp 02 công trình tại huyện Châu Thành; duy tu, bảo dưỡng 10 công trình.

+ Cấp nước nông thôn: Xây dựng nhà máy nước tại huyện Long Mỹ. Cải tạo, nâng cấp 7 nhà máy tại huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A và huyện Vị Thủy.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

5. Phương án phát triển các khu xử lý nước thải, chất thải

a) Phương án phát triển hệ thống xử lý nước mặt, nước thải

- Nước mặt đô thị và nông thôn, nước mưa thoát theo các kênh rạch ra sông.

- Các khu đô thị mới phải bảo đảm thu gom, xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường. Đối với các khu đô thị còn lại, phấn đấu 20% nước thải được thu gom, xử lý theo quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở y tế nước thải phải được thu gom, xử lý theo quy định hiện hành.

- Xây dựng 4 nhà máy xử lý nước thải tại thành phố Vị Thanh, thành phố Ngã Bảy và thị xã Long Mỹ.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

b) Phương án phát triển hệ thống xử lý chất thải

- Phấn đấu đến năm 2025, hoàn thành và đưa vào sử dụng 2 tổ máy điện rác tại huyện Phụng Hiệp với công suất 600 tấn/ngày bảo đảm xử lý tập trung toàn bộ chất thải sinh hoạt, công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh.

- Cải tạo bãi rác Kinh Cùng; đóng cửa bãi chôn lấp rác Tân Tiến và Long Mỹ trước năm 2025.

- Chất thải rắn công nghiệp nguy hại, chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý; chất thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

c) Khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng

- Xây dựng đài hỏa táng và các nghĩa trang xa khu dân cư, xa nguồn nước, bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định. Tiếp tục rà soát, di dời, đóng cửa các nghĩa trang không bảo đảm các tiêu chí theo quy định.

- Xây mới Nhà tang lễ tỉnh tại huyện Vị Thủy.

6. Phương án phát triển phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các huyện, thị xã, thành phố, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, đô thị, khu đông dân cư, các trụ sở và địa bàn trọng điểm nguy hiểm về cháy nổ, bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp

với Quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, đáp ứng các quy định hiện hành. Mỗi huyện có 01 đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe

- Phát triển hệ thống y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật. Phát triển nguồn nhân lực y tế đạt tiêu chuẩn về chất lượng, số lượng, cơ cấu.

- Đầu tư xây mới Bệnh viện đa khoa thị xã Long Mỹ, Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh; nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang và Bệnh viện đa khoa thành phố Ngã Bảy; cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tại 03 bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh; đầu tư nâng cấp, cải tạo các Trung tâm y tế tuyến huyện; xây mới, cải tạo, nâng cấp, củng cố và hoàn thiện các trạm y tế tuyến xã trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu khám chữa bệnh từng địa bàn.

- Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người dân; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp

- Tiếp tục sắp xếp hệ thống trường lớp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa và hiện đại hóa; tập trung các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia; đầu tư nâng cấp trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập phù hợp với tình hình phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương; tập trung phát triển hệ thống trường học mầm non, phổ thông tư thục ở địa bàn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị mới.

- Nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên tại các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm yêu cầu giảng dạy và học tập, đặc biệt là đào tạo kỹ năng, nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng, chiến lược của tỉnh. Đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, đổi mới nội dung chương trình giáo dục nghề nghiệp;

- Xây dựng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang đạt chuẩn; kiện toàn trung tâm dịch vụ việc làm; xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, liên kết với các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp có chất lượng của các địa phương khác để tạo nguồn lao động có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

3. Phương án phát triển văn hóa

Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, đầu tư xây dựng các công trình văn hóa cấp tỉnh đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa của nhân dân.

Tiếp tục đầu tư tôn tạo, bảo vệ, khai thác hiệu quả các di tích lịch sử, văn hóa; nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn các di sản văn hóa, thuần phong mỹ tục của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Sắp xếp lại 03 đơn vị: Trung tâm Văn hóa tỉnh, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng và Đoàn Ca múa nhạc dân tộc thành Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Hậu Giang; xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng hoạt động.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

4. Phương án phát triển thể dục thể thao

Đầu tư các công trình văn hóa, thể thao trọng điểm; nâng cấp cải tạo các công trình thể thao tại các thành phố, thị xã, huyện. Phát triển các trung tâm thể thao, nhà thi đấu hiện đại đáp ứng nhu cầu đa dạng về giao lưu, trao đổi văn hóa, thể thao. Khuyến khích xã hội hóa các dự án thể thao, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển toàn diện lĩnh vực thể dục, thể thao.

5. Phương án phát triển trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm

Phát triển hạ tầng thương mại hiện đại gắn với dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng, khai thác hiệu quả các hành lang kinh tế; tăng cường liên kết, hợp tác giao thương thị trường hàng hóa của tỉnh với các tỉnh, thành trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và các thị trường tiềm năng khác.

Đầu tư phát triển hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, sàn thương mại điện tử, trung tâm mua sắm, chuỗi cửa hàng tiện ích, cửa hàng kinh doanh tổng hợp; phát triển thương mại đường phố và kinh tế ban đêm.

Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các chợ đầu mối, chợ truyền thống, đáp ứng các yêu cầu cung ứng, tiêu thụ hàng hóa.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

Khuyến khích đầu tư phát triển trung tâm logistics, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương và của vùng.

Xây dựng hệ thống hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt bảo đảm đầy đủ, an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh và khu vực. Nâng cấp mở rộng hệ thống kho xăng dầu hiện hữu, gồm: Kho xăng dầu Nam Sông Hậu, Kho cảng đầu mối xăng dầu Hậu Giang, Kho xăng dầu Thiên Phước với tổng sức chứa khoảng 164.000 m^3.

Xây mới Nhà máy chế biến condensate công suất 0,5 - 1,0 triệu tấn/năm (theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia).

6. Phương án phát triển bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội

Nâng cấp, mở rộng quy mô Trung tâm Công tác xã hội tỉnh; phát triển 08 điểm cung cấp dịch vụ điều trị, cắt cơn nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn 08 huyện, thị xã, thành phố.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng mới các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo đảm việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

2. Các chỉ tiêu diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 phân bổ cho tỉnh Hậu Giang theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong Quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Về phân vùng môi trường

Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung tại các đô thị, vùng nội thành, nội thị của đô thị, nguồn nước mặt cung cấp nước cho sinh hoạt của các nhà máy nước theo quy định pháp luật về tài nguyên nước, rừng đặc dụng, các khu di tích lịch sử, văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản.

Vùng hạn chế phát thải: Vùng nội thành, nội thị của đô thị loại IV, V, hành lang bảo vệ nguồn nước mặt dùng cho cấp nước sinh hoạt theo quy định của Luật Tài nguyên nước, khu vực vui chơi giải trí dưới nước, vùng đệm của Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, các khu vực có yếu tố nhạy cảm, dễ bị tổn thương.

Vùng bảo vệ môi trường khác là các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

b) Về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

Tăng cường các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học nhằm giảm thiểu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, vật nuôi nguy cấp, quý, hiếm. Kiểm

soát và giảm thiểu các mối đe dọa đến đa dạng sinh học; nâng cao độ che phủ rừng, phòng ngừa, ngăn chặn xâm hại rừng và khai thác trái phép.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

c) Về quan trắc chất lượng môi trường và tài nguyên nước

Phát triển cơ sở hạ tầng, bố trí các địa điểm quan trắc cho từng loại môi trường; xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, quan trắc môi trường nước, môi trường không khí, quan trắc định kỳ môi trường trầm tích.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

Tổng diện tích đất rừng trên địa bàn tỉnh là 1.751 ha, gồm rừng đặc dụng là 1.482 ha, rừng sản xuất là 269 ha.

Thực hiện các phương án quản lý rừng bền vững, chặt chẽ; nâng cao năng lực, đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Về bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên

Khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, bảo đảm nhu cầu hiện tại, có tính đến nhu cầu khoáng sản trong tương lai, không làm ảnh hưởng đến môi trường, bảo đảm quốc phòng an ninh.

Phương án bảo vệ thăm dò, khai thác cát và khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch thăm dò, khai thác, chế biến vật liệu xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Khoanh định 10 khu vực bảo vệ, thăm dò, khai thác sử dụng làm vật liệu xây dựng và 6 khu vực mỏ than bùn.

Khoanh định 05 điểm mỏ sét gạch ngói, với tổng diện tích 1.870 ha, trữ lượng tài nguyên khoảng 22 triệu m^3. Đối với khoáng sản cát dùng san lấp tiếp tục thăm dò, khai thác mỏ cát sông Hậu của thời kỳ quy hoạch trước (diện tích là 196 ha); thăm dò, xác định trữ lượng khu vực còn lại 84 ha.

Dừng các hoạt động thăm dò, khai thác than bùn sau năm 2030.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo)

b) Khoanh định các khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quyết định được phê duyệt và quy định của pháp luật.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng tài nguyên nước:

Phân theo 5 vùng gồm: Tiểu vùng I (Đông quốc lộ 1A); Tiểu vùng II (Bắc kênh Xà No); Tiểu vùng III (Nam kênh Xà No - Bắc kênh Nàng Mau); Tiểu vùng IV (Nam kênh Nàng Mau - Bắc kênh Lái Hiếu, Cái Lớn); Tiểu vùng V (Nam kênh Lái Hiếu - Xẻo Chít).

b) Phân bổ tài nguyên nước

Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng sử dụng trong kỳ quy hoạch được sắp xếp từ cao đến thấp như sau: Sinh hoạt; công nghiệp; du lịch, dịch vụ; nông nghiệp; thủy sản.

Trong điều kiện bình thường nguồn nước đủ đáp ứng, việc phân bổ bảo đảm 100% nhu cầu dùng nước; ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, an sinh xã hội, các ngành sản xuất có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, tỷ lệ phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước là sinh hoạt 100%, công nghiệp 90%, du lịch, dịch vụ 85%, nông nghiệp 80%, thủy sản 75%.

c) Bảo vệ tài nguyên nước

Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất và phòng ngừa suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất; xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đặc biệt các khu vực có nguy cơ cạn kiệt nguồn nước; xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

d) Nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt

Nguồn nước dưới đất được phân bổ khai thác cho toàn tỉnh khoảng 125.800 m^3/ngày, trong đó ưu tiên sử dụng cho sinh hoạt. Nguồn nước dưới đất dự phòng để cấp nước sinh hoạt trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

Mở rộng hồ Nước Ngọt xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy.

Tại những nơi có nguồn nước ngọt từ sông, kênh chính đưa về các hồ chứa, trạm lấy nước mặt, đưa lên bể xử lý, sau đó phân phối cho từng khu dân cư.

đ) Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra

Các khu đô thị, khu dân cư, công trình giao thông, các hoạt động sản xuất ven sông không được cản trở dòng chảy gây ngập úng, bảo đảm khả năng tiêu thoát nước.

Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác cát và hoạt động sản xuất khác có tác động gia tăng sạt lở lòng, bờ, bãi sông.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai, trong đó phòng, chống sạt lở phân thành 2 vùng:

- Vùng có nguy cơ sạt lở cao: Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, một phần huyện Phụng Hiệp và thành phố Ngã Bảy.

- Vùng có nguy cơ sạt lở thấp: Các địa phương còn lại của tỉnh.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu kịp thời, hiệu quả, bảo đảm năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ tầng.

Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi để chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, xâm nhập mặn, ngập, sụt lún, sạt lở bờ sông, kết hợp hài hoà giữa giải pháp công trình và giải pháp phi công trình. Bảo đảm an toàn trước các tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước gây ra cho các đô thị, khu dân cư, hoạt động sản xuất.

X. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để xác định các dự án và thứ tự ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư. Quy mô, tổng vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn vốn của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập, trình duyệt dự án đầu tư phù hợp với nhu cầu, khả năng cân đối, huy động nguồn lực của địa phương từng thời kỳ, bảo đảm đúng định hướng, đúng quy định của pháp luật.

Các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu long, Quy hoạch ngành quốc gia, sẽ được triển khai thực hiện theo các nghị quyết, quyết định phê duyệt các quy hoạch trên.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV kèm theo)

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư; tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, cân đối ngân sách nhà nước, bố trí nguồn vốn đầu tư ưu tiên cho hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng nhằm thu hút đầu tư thực hiện phát triển kinh tế - xã hội; xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực phúc lợi xã hội khác.

Tăng cường hợp tác công - tư (PPP) trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); có chính sách đột phá để phát triển hạ tầng chiến lược, tập trung phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp FDI; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy liên kết ngân hàng - doanh nghiệp, giúp các nhà đầu tư nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập của nền kinh tế.

Xây dựng chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao, lao động có tay nghề, kỹ năng, đào tạo nghề; tạo điều kiện cho người lao động làm việc ổn định, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần; sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế, đặc biệt đối với các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, logistics.

Nâng cao đạo đức công vụ và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín phục vụ nhân dân; thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài.

Tăng cường liên kết với các viện, trường đại học, các trung tâm đào tạo có uy tín, chất lượng; phối hợp giữa các cấp, các ngành để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu của khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và đô thị thông minh.

Nghiên cứu, triển khai và đầu tư cơ sở vật chất, hợp tác quốc tế và hội nhập thị trường khoa học, công nghệ; phân bổ ngân sách phù hợp cho đầu tư khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, bảo đảm tối thiểu 2% trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ.

Tăng cường công tác thẩm định các dự án đầu tư và giám sát môi trường, nâng cao khả năng chống chịu biến đổi khí hậu cho các hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống cảnh báo, xác định rủi ro. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền và bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong công nghiệp, nông nghiệp.

Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các doanh nghiệp công nghệ cao, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo tại các trường đại học và cao đẳng, hướng tới việc hình thành các vườn ươm khởi nghiệp và phòng thí nghiệm nghiên cứu.

Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan để phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; huy động nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; đẩy mạnh các giải pháp kết nối cung cầu thị trường khoa học, công nghệ.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

a) Hợp tác vùng, quốc gia và hợp tác quốc tế

Hợp tác vùng và quốc gia: Xây dựng kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ logistics, dịch vụ hỗ trợ đặc thù cho xuất khẩu nông nghiệp; hợp tác với các tỉnh, thành để phát triển các tuyến du lịch; khuyến khích hợp tác giữa các doanh nghiệp, liên hiệp, hiệp hội của các ngành; ưu tiên vốn đầu tư công cho các dự án liên kết.

Hợp tác quốc tế: Hoàn thiện công tác thu thập thông tin, kết nối và chia sẻ dữ liệu đối với các thị trường trọng điểm, các quốc gia và đối tác tiềm năng; chủ động tìm kiếm, hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ.

b) Những ngành lĩnh vực cần ưu tiên hợp tác

Công nghiệp: Phát triển công nghiệp chế biến trên cơ sở liên kết phát triển chuỗi sản phẩm; công nghiệp phụ trợ phục vụ cho các khu công nghiệp trong vùng.

Nông sản: Hợp tác vùng thông qua trung tâm đầu mối thu gom, chế biến và phân phối các sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

Đô thị: Phát triển không gian đô thị thông minh nằm trong chuỗi phát triển đô thị của vùng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhiều nhóm khách hàng.

Du lịch: Kết nối với các tỉnh, thành thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long để phát triển các tuyến du lịch, hướng tới trở thành trung tâm du lịch của vùng.

c) Giải pháp về hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, tăng cường năng lực của bộ máy chính quyền

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực của bộ máy chính quyền các cấp trong triển khai thực hiện quy hoạch, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; phân cấp, phân quyền đi đôi với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Công bố công khai quy hoạch; thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung để đồng bộ quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Nâng cao năng lực của chính quyền đáp ứng yêu cầu quản lý đối với đô thị và nông thôn. Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm hiện đại, thông minh và thân thiện với môi trường.

Quản lý chặt chẽ, bảo đảm xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hóa.

Phát triển kinh tế khu vực đô thị; chính sách tài chính và đầu tư phát triển đô thị; kết hợp phát triển đô thị với du lịch.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện Quy hoạch

Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch 05 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp

với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, thường xuyên giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo quy định.

Công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch cần được đổi mới đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và quy định của pháp luật. Tổ chức bộ máy cán bộ tâm huyết, đủ năng lực quản lý hiệu lực, hiệu quả để triển khai thực hiện thành công Quy hoạch.

XII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XXV kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Hậu Giang theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Hậu Giang.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện quản lý Quy hoạch tỉnh; hướng dẫn, phân công, phân cấp, điều phối, kiểm soát và bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, quy trình, thủ tục, quy định trong quá trình thực hiện Quy hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý và thực hiện Quy hoạch.

d) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch và rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật.

đ) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, bảo đảm nguồn lực

tài chính, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

e) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

g) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

h) Đối với các dự án dự kiến đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thực hiện thì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này, bảo đảm đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời người quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Đối với các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm đúng các quy định hiện hành.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến thẩm định, rà soát, tham gia góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; các phụ lục được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết tại công văn số 1780/UBND-NCTH ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang trong quá trình thực hiện quy hoạch; phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang trong việc đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng của quy hoạch bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030	
1	Thành phố Vị Thanh	II	II	
2	Thành phố Ngã Bảy	III	III	
3	Thị xã Long Mỹ	III	III	
4	Thị trấn Nàng Mau	V	V	
5	Thị trấn Vĩnh Viễn	V	V	
6	Đô thị Xà Phiên	V	V	
7	Đô thị Lương Nghĩa	V	V	
8	Thị trấn Cây Dương	V	IV	
9	Thị trấn Kinh Cùng	V	V	
10	Thị trấn Búng Tàu	V	V	
11	Đô thị mới Cái Sơn	V	V	
12	Đô thị mới Tân Long	V	V	
13	Khu vực dự kiến thành lập thị xã Châu Thành		IV	Định hướng đến 2030, Huyện Châu Thành sẽ trở thành thị xã
13.1	Thị trấn Ngã Sáu (*)	V		
13.2	Thị trấn Mái Dầm (*)	V		
13.3	Đô thị Đông Phú (*)	V		

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030	
14	Khu vực dự kiến thành lập thị xã Châu Thành A		IV	Định hướng đến 2030, Huyện Châu Thành A sẽ trở thành thị xã
14.1	Thị trấn Một Ngàn (*)	V		
14.2	Thị trấn Bảy Ngàn (*)	V		
14.3	Thị trấn Cái Tắc (*)	V		
14.4	Thị trấn Rạch Gòi (*)	V		

Ghi chú:

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

(*) Đô thị dự kiến điều chỉnh phạm vi phân loại đô thị và sắp xếp, thành lập đơn vị hành chính giai đoạn 2023 - 2030 theo quy định.

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
A	**Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022**		**2.233**
I	**Các khu công nghiệp đã thành lập**		**492**
1	Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1	Huyện Châu Thành	291
2	Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1	Huyện Châu Thành A	201
II	**Các khu công nghiệp thành lập mới**		**1.741**
1	Khu công nghiệp Đông Phú	Huyện Châu Thành	120
2	Khu công nghiệp Đông Phú 2	Huyện Châu Thành	234
3	Khu công nghiệp Sông Hậu 2	Huyện Châu Thành	430
4	Khu công nghiệp Tân Hòa	Huyện Châu Thành A	205
5	Khu công nghiệp Tân Bình	Huyện Phụng Hiệp	210
6	Khu công nghiệp Nhơn Nghĩa A	Huyện Châu Thành A	252
7	Khu công nghiệp Long Thạnh	Huyện Phụng Hiệp	290
B	**Các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất**		**7.200**
1	Khu công nghiệp Phú Tân	Huyện Châu Thành	890
2	Khu công nghiệp Phú Hữu	Huyện Châu Thành	1.100
3	Khu công nghiệp Tân Phước Hưng	Huyện Phụng Hiệp	1.160

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
4	Khu công nghiệp Tân Bình II	Huyện Phụng Hiệp	800
5	Khu công nghiệp Tân Bình III	Huyện Phụng Hiệp	1.000
6	Khu công nghiệp Vĩnh Viễn	Huyện Long Mỹ	1.000
7	Khu công nghiệp Bình Thành	Huyện Phụng Hiệp	1.250
		TỔNG CỘNG (A+B)	**9.433**

Ghi chú:

- Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định, bảo đảm đúng chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Các khu công nghiệp tiềm năng có nhu cầu đầu tư sớm hơn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định

Phụ lục III

DANH MỤC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Diện tích ha)
I	**Các cụm công nghiệp đã hoạt động**		**286,55**
1	Cụm công nghiệp Phú Hữu A - giai đoạn 1	Huyện Châu Thành	110,00
2	Cụm công nghiệp Kho tàng và bến bãi Tân Tiến	Thành phố Vị Thanh	41,19
3	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp	Thành phố Ngã Bảy	24,66
4	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp	Thành phố Vị Thanh	62,50
5	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp	Thị xã Long Mỹ	48,20
II	**Các cụm công nghiệp đang triển khai thủ tục đầu tư và xây dựng**		**261,50**
1	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thành phố Vị Thanh (Phần mở rộng)	Thành phố Vị Thanh	11,50
2	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thị xã Long Mỹ (phần mở rộng)	Thị xã Long Mỹ	20,00
3	Cụm công nghiệp Tân Phước Hưng	Huyện Phụng Hiệp	50,00
4	Cụm công nghiệp Tân Thành	Thành phố Ngã Bảy	50,00
5	Cụm công nghiệp Phú Tân	Huyện Châu Thành	50,00

TT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Diện tích ha)
6	Cụm công nghiệp Vĩnh Viễn	Huyện Long Mỹ	30,00
7	Cụm công nghiệp Vị Bình	Huyện Vị Thủy	50,00
III	**Các cụm công nghiệp thành lập mới**		**359,58**
1	Cụm công nghiệp Vị Bình (Phần mở rộng)	Huyện Vị Thủy	21,00
2	Cụm công nghiệp Vị Bình 2	Huyện Vị Thủy	75,00
3	Cụm công nghiệp Lương Tâm	Huyện Long Mỹ	75,00
4	Cụm công nghiệp Lương Tâm 2	Huyện Long Mỹ	75,00
5	Cụm công nghiệp Hỏa Lựu 1	Thành phố Vị Thanh	57,98
6	Cụm công nghiệp Hỏa Lựu 2	Thành phố Vị Thanh	55,60
		Tổng diện tích (I+II+III)	**907,63**

Ghi chú: Việc đầu tư các dự án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn phải phù hợp với nhu cầu thực tế và căn cứ theo chỉ tiêu sử dụng đất trong thời kỳ 2021 - 2030 và sau năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và triển khai dự án đầu tư.

Phụ lục IV

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Định hướng phát triển	Địa điểm	Quy mô
I	**Phân vùng chuyển đổi sản xuất nông nghiệp (theo 3 vùng thủy lợi)**		
1	Vùng triều cao (Vùng I): Phát triển cây ăn trái, thủy sản, lúa, rau màu, hoa kiểng...	Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, thành phố Ngã Bảy và một phần huyện Phụng Hiệp	63.500 ha
2	Vùng giáp nước (Vùng II): Phát triển lúa, cây ăn trái, lúa - thủy sản, rau màu, chăn nuôi, thủy sản và phát triển du lịch sinh thái.	Huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy và một phần thị xã Long Mỹ	51.700 ha
3	Vùng phèn, nhiễm mặn (Vùng III): Phát triển lúa, cây ăn trái, lúa - thủy sản, rau màu, chăn nuôi, thủy sản và phát triển du lịch sinh thái.	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh và một phần huyện Vị Thủy	47.000 ha
II	**Phát triển vùng sản xuất tập trung**		
1	Vùng lúa chất lượng cao	Huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy, huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	35.000 ha
2	Vùng cây ăn trái tập trung	Tất cả các vùng	Quy mô phát triển phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng

TT	Định hướng phát triển	Địa điểm	Quy mô
3	Vùng sản xuất rau củ quả chuyên canh	Huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, huyện Long Mỹ, huyện Vị Thủy và thị xã Long Mỹ	8.000 ha
4	Vùng chăn nuôi tập trung	Huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, huyện Long Mỹ, huyện Vị Thủy	
5	Vùng nuôi thủy sản tập trung	Các huyện, thị xã, thành phố	8.000 ha
6	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Huyện Long Mỹ	415
7	Phát triển 4 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Thành phố Vị Thanh, thị xã Long Mỹ, huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A	

Ghi chú: Ngoài các vùng chăn nuôi tập trung nêu trên, việc phát triển chăn nuôi vẫn được bố trí tại các địa phương khác khi bảo đảm các điều kiện theo quy định.

Phụ lục V

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Hạng mục	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng (ha)	Địa điểm	Năm thực hiện
1	Mở rộng Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên	0,80	0,26	0,54	Thị xã Long Mỹ	2022 - 2030
2	Trường dạy nghề	1,80		1,80	Huyện Châu Thành	2022 - 2030
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1,73		1,73	Huyện Phụng Hiệp	
4	Trung tâm dạy nghề cơ khí kỹ thuật cao	2,00		2,00	Huyện Phụng Hiệp	
5	Trung tâm sát hạch lái xe	5,31	5,00	0,31	Huyện Vị Thủy	
6	Trường Trung học phổ thông Cây Dương (phân hiệu Búng Tàu)	1,00		1,00	Huyện Phụng Hiệp	
7	Trường THPT Tây Đô	0,96	0,96		Huyện Long Mỹ	
8	Cơ sở giáo dục và đào tạo	38,44		38,44	Thành phố Ngã Bảy	
9	Cơ sở giáo dục và đào tạo	31,39		31,39	Huyện Châu Thành A	
10	Cơ sở giáo dục và đào tạo	66,16	24,78	41,38	Huyện Phụng Hiệp	
11	Cơ sở giáo dục và đào tạo	34,81	0,30	34,51	Huyện Vị Thủy	

STT	Hạng mục	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng (ha)	Địa điểm	Năm thực hiện
12	Cơ sở giáo dục và đào tạo	43,90	1,60	42,30	Huyện Long Mỹ	
13	Cơ sở giáo dục và đào tạo	32,08	1,52	30,56	Huyện Châu Thành	2022 - 2030
14	Cơ sở giáo dục và đào tạo	41,78	1,38	40,40	Thị xã Long Mỹ	
15	Cơ sở giáo dục và đào tạo	49,08	0,61	48,47	Thành phố Vị Thanh	2021 - 2030
	TỔNG CỘNG	**351,24**	**36,41**	**314,83**		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục VI

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ THỂ DỤC, THỂ THAO
TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CƠ SỞ THỂ DỤC, THỂ THAO CÔNG LẬP

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	**Công trình nâng cấp, cải tạo**	
	Nhà thi đấu Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
II	**Công trình xây dựng mới**	
1	Ký túc xá cho vận động viên	Thành phố Vị Thanh
2	Nhà tập luyện thể thao	Thành phố Vị Thanh
3	Trung tâm huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao tỉnh	Thành phố Vị Thanh
4	Hồ bơi tỉnh	Thành phố Vị Thanh

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU THỂ DỤC, THỂ THAO

STT	Hạng mục	Mã Đất	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Địa điểm	Năm thực hiện
1	Trung tâm thể dục thể thao	DTT	10,00		10,00	Thành phố Ngã Bảy	2022 - 2030
2	Trung tâm văn hóa - thể thao (Trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân)	DTT	1,10		1,10	Huyện Phụng Hiệp	2026 - 2030
3	Nhà thi đấu đa năng	DTT	4,15	4,15	0,00	Huyện Vị Thủy	2023 - 2025
4	Trung tâm thể dục - thể thao	DTT	3,23		3,23	Huyện Long Mỹ	2026 - 2030
5	Ký túc xá cho Vận động viên	DTT	0,40		0,40	Thành phố Vị Thanh	2023 - 2025

STT	Hạng mục	Mã Đất	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Địa điểm	Năm thực hiện
6	Nhà tập luyện thể thao	DTT	0,20		0,20	Thành phố Vị Thanh	2023 - 2025
7	Cung thể thao dưới nước	DTT	1,84		1,84	Thành phố Vị Thanh	2023 - 2025
8	Sân vận động	DTT	0,70		0,70	Huyện Châu Thành A	2021 - 2025
9	Cơ sở thể dục, thể thao (tổng hợp)	DTT	21,45		21,45	Các huyện, thành phố, thị xã	2021 - 2030
10	Sân gôn		164	0	164	Huyện Châu Thành	2026 - 2030
11	Sân gôn		220	0	220	Huyện Phụng Hiệp	2026 - 2030
12	Sân gôn		110	0	110	Huyện Long Mỹ	2026 - 2030
	TỔNG CỘNG		**537,07**	**4,15**	**532,92**		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đồng thời không vượt chỉ tiêu phân bổ đất đai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bảo đảm yếu tố quốc phòng, an ninh. Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục VII

DANH MỤC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch (Cấp; Số làn đến năm 2030/sau năm 2030)
A	**MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ, CAO TỐC**			
	Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.			
B	**MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG TỈNH**			
I	**Các tuyến hiện hữu**			
1	Đường tỉnh 925	Giao với quốc lộ 1 huyện Châu Thành	Giao với quốc lộ Nam Sông Hậu, huyện Châu Thành	Cấp III/ 2 - 4 làn xe
2	Đường tỉnh 925B	Giao với quốc lộ 61C, huyện Vị Thủy	Giao với quốc lộ 1 huyện Châu Thành A	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
3	Đường tỉnh 926	Ủy ban nhân dân xã Trường Long A, huyện Châu Thành A	Giao với ĐH.23 phía Bắc kênh Xà No, huyện Vị Thủy	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
4	Đường tỉnh 926B	Giao ĐT.931B, huyện Châu Thành A	Ranh giới với tỉnh Sóc Trăng, thị xã Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
5	Đường tỉnh 927	Ngã ba Vĩnh Tường thị xã Long Mỹ	Giao với quốc lộ 1, thị xã Ngã Bảy	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
6	Đường tỉnh 927B	Giao với ĐT.931B, huyện Vị Thủy	Giao với ĐT.928B, thị xã Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
7	Đường tỉnh 927C	Giao quốc lộ 1, thành phố Ngã Bảy	Huyện Châu Thành	Cấp III/ 2 - 4 làn xe

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch (Cấp; Số làn đến năm 2030/sau năm 2030)
8	Đường tỉnh 928	Giao với quốc lộ 61, huyện Phụng Hiệp	Giao với ĐT.928B, huyện Phụng Hiệp	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
9	Đường tỉnh 928B	Giao với đường vành đai thành phố Ngã Bảy	Giao với QL.61B, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
10	Đường tỉnh 929	Giao với quốc lộ 61, huyện Phụng Hiệp	Giáp ranh thành phố Cần Thơ, huyện Châu Thành A	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
11	Đường tỉnh 930	Giao với ĐT.926B, huyện Phụng Hiệp	Ranh giới tỉnh Kiên Giang, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
12	Đường tỉnh 930B	Giao với quốc lộ 61B, thị xã Long Mỹ	Ranh tỉnh Kiên Giang, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
13	Đường tỉnh 931	Giao với quốc lộ 61C, thành phố Vị Thanh	Ranh tỉnh Bạc Liêu, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
14	Đường tỉnh 931B	Cầu Ba Liên, thành phố Vị Thanh	Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
15	Đường tỉnh 925C	Giao với ĐT.925, huyện Châu Thành	Giao với ĐT.927C, huyện Châu Thành	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
II	**Các tuyến mở mới**			
1	Đường tỉnh 925D	Giao với ĐT. 925B, huyện Vị Thủy	Giao với quốc lộ 61C; thành phố Vị Thanh	Cấp IV/ 2 làn xe
2	Đường tỉnh 926C (nâng cấp từ ĐH 22)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Vị Thanh	Giao với ĐT.929, huyện Châu Thành A	Cấp IV/ 2 làn xe
3	Đường tỉnh 927D	Giao với quốc lộ 1, thành phố Ngã Bảy	Giao với ĐT.927, huyện Phụng Hiệp	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	**Quy mô quy hoạch** (Cấp; Số làn đến năm 2030/sau năm 2030)
4	Đường tỉnh 928C (nâng cấp từ ĐH 11)	Giao với ĐT.927, thành phố Ngã Bảy	Giao với ĐT. 931, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 làn xe
5	Đường tỉnh 928D (nâng cấp từ ĐH 30)	Giao với ĐT.931B, huyện Châu Thành A	Giao với ĐT.928B, huyện Phụng Hiệp	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
6	Đường tỉnh 931C	Giao với quốc lộ 61C, thành phố Vị Thành	Giao đường huyện 6, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị. Số làn xe đến năm 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau năm 2030 khi có nhu cầu thực tế.

Phụ lục VIII

DANH MỤC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CẤP QUỐC GIA VÀ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

B. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

***Tuyến đường thủy nội địa**

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa	Cấp kỹ thuật	
		Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
	Các tuyến hiện có		
1	Kênh Nàng Mau	IV	IV
2	Rạch Mái Dầm	IV	IV
3	Kênh Lái Hiếu	IV	IV
4	Sông Cái Lớn	IV	IV
5	Rạch Nước Trong	IV	IV
6	Kênh Bờ Tràm (kênh Một)	IV	IV
7	Kênh KH9	V	V
8	Kênh Xáng Mới	V	V
9	Kênh Tám Ngàn	V	V
10	Sông Ba Láng	V	IV
11	Kênh Sóc Trăng	V	V

****Cảng, bến thủy nội địa hàng hóa**

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (1.000 T/năm)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)
I	**Các cảng, bến hiện có**					
	Các cảng, bến hiện có 151 bến thuộc các tuyến sông kênh do tỉnh quản lý bao gồm: kênh Nàng Mau (32 bến); sông Cái Lớn (42 bến); sông Ba Láng (20 bến); kênh Lái Hiếu (24 bến); kênh Xáng Mới (7 bến); rạch Mái Dầm (12 bến); kênh Sóc Trăng (9 bến); sông Nước Trong (1 bến); kênh KH 9 (2 bến); kênh Tám Ngàn (2 bến)					12,5
II	**Các cảng, bến xây dựng mới**					
1	Cụm cảng, bến kênh Nàng Mau	Các huyện: Châu Thành, Phụng Hiệp, Long Mỹ, Vị Thủy	Kênh Nàng Mau	500 - 1000	15	2,5
2	Cụm cảng, bến rạch Mái Dầm	Huyện Châu Thành	Rạch Mái Dầm	500 - 1000	10	1,5
3	Cụm cảng, bến kênh Lái Hiếu	Thành phố Ngã Bảy, huyện Phụng Hiệp	Kênh Lái Hiếu	500 - 1000	7,5	1,5
4	Cụm cảng, bến sông Cái Lớn	Thị xã Long Mỹ, huyện Vị Thủy, thành phố Vị Thanh	Sông Cái Lớn	500 - 1000	8,5	2,0
5	Cụm cảng, bến sông Nước Trong	Huyện Long Mỹ	Sông Nước Trong	500 - 1000	5,5	1,0
6	Cụm cảng, bến kênh Bờ Tràm (kênh Một)	Huyện Châu Thành A	Kênh Bờ Tràm (kênh Một)	500 - 1000	6,5	1,5

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (1.000 T/năm)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)
7	Cụm cảng, bến kênh KH9	Thành phố Vị Thanh, huyện Châu Thành A	Kênh KH9	500	3,5	1,2
8	Cụm cảng, bến kênh Xáng Mới	Huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp	Kênh Xáng Mới	500	4,5	1,5
9	Cụm cảng, bến kênh Tám Ngàn	Huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy	Kênh Tám Ngàn	500	2,5	2,0
10	Cụm cảng, bến sông Ba Láng	Huyện Châu Thành A	Sông Ba Láng	500 - 1000	3,0	2,5
11	Cụm cảng, bến kênh Sóc Trăng	Thành phố Ngã Bảy	Kênh Sóc Trăng	500	2,5	2,0

*****Cảng, bến thủy nội địa hành khách**

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Ghế)	Công suất (nghìn lượt HK/năm)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)
	Các cảng, bến xây dựng mới					
1	Bến tàu Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh	Kênh Xà No	200	100	1,0
2	Bến tàu Lái Hiếu	Thành phố Ngã Bảy	Kênh Lái Hiếu	200	80	1,5

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Ghế)	Công suất (nghìn lượt HK/năm)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)
3	Bến tàu Ngã Bảy 1	Thành phố Ngã Bảy	Kênh Kênh Cái Côn	70	80	1,2
4	Bến tàu Ngã Bảy 2	Thành phố Ngã Bảy	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	70	80	1,2
5	Bến tàu thị trấn Ngã Sáu	Huyện Châu Thành	Rạch Mái Dầm	70	60	0,5
6	Bến tàu Sông Hậu	Huyện Châu Thành	Sông Hậu (vàm Mái dầm)	70	60	0,5
7	Bến tàu khu công nghiệp Châu Thành A	Huyện Châu Thành A	Sông Ba Láng	50	65	0,5
8	Bến tàu kênh Bờ Tràm	Huyện Châu Thành A	Kênh Bờ Tràm (kênh Một)	30	50	0,7
9	Bến tàu thị trấn Cây Dương	Huyện Phụng Hiệp	Kênh Lái Hiếu	70	60	0,7
10	Bến tàu Phương Bình	Huyện Phụng Hiệp	Kênh Lái Hiếu	70	45	0,5
11	Bến tàu thị trấn Nàng Mau	Huyện Vị Thủy	Kênh Nàng Mau	70	65	0,7
12	Bến tàu Vịnh Chèo	Huyện Vị Thủy	Sông Cái Lớn	50	55	0,5

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Ghế)	Công suất (nghìn lượt HK/năm)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)
13	Bến tàu thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Sông Cái Lớn	50	60	1,0
14	Bến tàu Vĩnh Viễn A 1	Huyện Long Mỹ	Sông Cái Lớn	50	55	0,5
15	Bến tàu Vĩnh Viễn A2	Huyện Long Mỹ	Sông Nước Trong	30	40	0,5

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án nêu trên phải phù hợp với Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, Quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các cảng, bến xây dựng mới nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các cảng, bến hàng hóa, hành khách phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục IX

DANH MỤC TRUNG TÂM LOGISTICS TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Trung tâm logistics thành phố Ngã Bảy tại cụm công nghiệp Tân Thành, Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy	15 - 30
2	Trung tâm logistics thành phố Vị Thanh tại cụm công nghiệp Kho tàng bến bãi Tân Tiến	Thành phố Vị Thanh	10 - 15
3	Tổng kho phân phối Mê Công	Huyện Châu Thành	10 - 15
4	Trung tâm Colde Store Logistics Hậu Giang	Huyện Châu Thành A	10 - 15
5	Trung tâm logistics huyện Châu Thành A tại Khu công nghiệp Nhơn Nghĩa A	Huyện Châu Thành A	15 - 30
	Định hướng sau năm 2030		
6	Trung tâm logistics	Huyện Phụng Hiệp	15 - 30
7	Trung tâm logistics	Huyện Long Mỹ	15 - 30
8	Trung tâm logistics	Thị xã Long Mỹ	15 - 30
9	Trung tâm logistics	Huyện Vị Thủy	15 - 30

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang chịu trách nhiệm về việc tính toán xác định số lượng và quy mô các trung tâm logistics bảo đảm hiệu quả quỹ đất.

- Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các Trung tâm logistics sẽ được xác định trong quá trình lập dự án đầu tư. Tùy theo tình hình thực tế sẽ điều chỉnh thời gian thực hiện đối với các Trung tâm logistics định hướng sau năm 2030.

Phụ lục X

DANH MỤC NGUỒN ĐIỆN VÀ LƯỚI ĐIỆN TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

TT	DANH MỤC	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến đến năm 2030	Công suất tiềm năng	
I	**Khu vực các nguồn điện tiềm năng**					
1	**Điện gió**					
	Khu vực điện gió	Huyện Long Mỹ		350		Xây dựng mới
	Khu vực điện gió	Thành phố Vị Thanh		100		Xây dựng mới
2	**Điện mặt trời**					
	Khu vực điện mặt trời	Huyện Phụng Hiệp		165		Xây dựng mới
	Khu vực điện mặt trời	Huyện Long Mỹ		457		Xây dựng mới
	Khu vực điện mặt trời	Thành phố Vị Thanh		82		Xây dựng mới
	Khu vực điện mặt trời	Huyện Vị Thủy		41		Xây dựng mới

			Quy mô, công suất (MW)			
3	**Điện sinh khối, điện sản xuất từ rác**					
-	Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang 1, 2, 3 (*)	Thị xã Long Mỹ		30		Xây dựng mới
-	Nhà máy điện rác Hậu Giang (**)	Huyện Phụng Hiệp		2x6		Xây dựng mới
II	**Nhà máy nhiệt điện than**					
	Nhà máy điện Sông Hậu II	Huyện Châu Thành		2.120		Bộ Công Thương làm việc với các nhà đầu tư, cho phép kéo dài đến tháng 6/2024 (theo QH Điện VIII).

Ghi chú:

- Việc triển khai các dự án nêu trên chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh Hậu Giang.

*: Dự án đã được chấp thuận tại Quyết định số 9486/QĐ-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương.

**: Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia tại văn bản 211/TTg-CN ngày 18 tháng 02 năm 2019.

B. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI

I. Trạm biến áp

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất năm 2030	
I	**Trạm biến áp 110 kV**			
1	Long Mỹ	2x40	40+63	Nâng cấp, cải tạo
2	Vị Thanh	2x40	40+63	Nâng cấp, cải tạo
3	Châu Thành	2x40	2x63	Nâng cấp, cải tạo
4	Phú Xuân (Châu Thành 2)	2x40	2x63	Nâng cấp, cải tạo
5	Phụng Hiệp	2x25	2x40	Nâng cấp, cải tạo
6	Tân Phú Thạnh		2x40	Xây dựng mới
7	Thép Sunpro		100+40	Xây dựng mới
8	Vị Thanh 2		2x40	Xây dựng mới
9	Long Thạnh		63	Xây dựng mới
10	Đông Phú		2x40	Xây dựng mới
11	Đông Phú 2		2x40	Xây dựng mới
12	Long Mỹ 2		63	Xây dựng mới
13	Phú Hữu		63	Xây dựng mới
14	Tân Hòa		63	Xây dựng mới
15	Tân Bình 1		63	Xây dựng mới
16	Phụng Hiệp 2		1x40	Xây dựng mới
II	**Trạm biến áp trung áp (22kV)**		**2796/571,56**	**Số trạm/MVA**
1	Vùng phụ tải 1		667/153,557	Xây dựng mới
2	Vùng phụ tải 2		1743/335,718	Xây dựng mới
3	Vùng phụ tải 3		386/82,282	Xây dựng mới

II. Đường dây

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô năm 2030	
I	**Đường dây 110 kV**			
1	Đường dây 110kV Giồng Riềng - Vị Thanh	1x31,2	1x31,2	Nâng cấp, cải tạo
2	Đường dây 110kV Vị Thanh - Long Mỹ	1x17,2	1x17,2	Nâng cấp, cải tạo
3	Đường dây 110kV Long Mỹ - Hồng Dân	1x34,9	1x34,9	Nâng cấp, cải tạo
4	Đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ - Châu Thành - Phụng Hiệp	1x52	1x52	Nâng cấp, cải tạo
5	Đường dây 110kV Trạm 220kV Châu Thành Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Châu Thành		2x0,5	Xây dựng mới
6	Đường dây 110kV Trạm 220kV Châu Thành Rẽ Điện mặt trời Hậu Giang 1 - Long Mỹ		2x20	Xây dựng mới
7	Đường dây 110kV Tân Phú Thạnh Rẽ Cần Thơ - Châu Thành		2x1	Xây dựng mới
8	Đường dây 110kV Phú Xuân - KCN Sông Hậu Sóc Trăng - Kế Sách		2x18	Xây dựng mới
9	Đường dây 110kV Vị Thanh 2 Rẽ Vị Thanh - Giồng Riềng		2x6	Xây dựng mới
10	Đường dây 110kV Đông Phú Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Phú Xuân		2x0,7	Xây dựng mới
11	ĐD110kV Thép Sunpro Rẽ Trạm 220kV Châu Thành - Phụng Hiệp		2x17	Xây dựng mới
12	Đường dây 110kV Đông Phú 2 Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Phú Xuân		2x1	Xây dựng mới
13	Đường dây 110kV Kế Sách (ST) Rẽ Phụng Hiệp - Sóc Trăng		2x15	Xây dựng mới
14	Đường dây 110kV Tân Phú (CT) Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Phú Xuân		2x2	Xây dựng mới

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô năm 2030	
15	Đường dây 110kV Long Thạnh Rẽ Trạm 220kV Châu Thành - Phụng Hiệp		2x3,5	Xây dựng mới
16	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hòa An Rẽ Trạm 220kV Châu Thành - Long Mỹ		2x0,5	Xây dựng mới
17	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hồ nước ngọt Rẽ Điện MT Hậu Giang 1 - Vị Thanh		2x2	Xây dựng mới
18	Đường dây 110kV Phú Hữu Rẽ Long Thạnh - Thép Sunpro		2x1	Xây dựng mới
19	Đường dây 110kV Tân Bình 1 Rẽ trên 1 mạch Trạm 220kV Châu Thành - Điện MT Hậu Giang 1		2x3	Xây dựng mới
20	Đường dây 110kV Tân Hòa Rẽ trên 1 mạch Trạm 220kV Châu Thành		2x4	Xây dựng mới
21	Đường dây 110kV Điện mặt trời Vị Tân 1,2 Rẽ Vị Thanh 2 - Vị Thanh		2x5	Xây dựng mới
22	Đường dây 110kV Long Mỹ 2 Rẽ Vị Thanh - Giồng Riềng		2x14	Xây dựng mới
23	Đường dây 110kV Điện gió Sao Mai 1 Rẽ Long Mỹ - Hồng Dân		2x3	Xây dựng mới
24	Đường dây 110kV Phụng Hiệp trạm 220kv Cần Thơ - Châu Thành - Phụng Hiệp		2x9,5	Xây dựng mới
II	**Đường dây trung áp (22kV)**		**907,4**	
1	Vùng phụ tải 1		466,3	Xây dựng mới
2	Vùng phụ tải 2		249	Xây dựng mới
3	Vùng phụ tải 3		192,1	Xây dựng mới

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và các tuyến đường dây phải căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương

Phụ lục XI

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
I	**Xây dựng mới**				
1	Xây dựng đê bao ngăn triều vùng cây ăn trái huyện Châu Thành, Châu Thành A và thành phố Ngã Bảy	Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, thành phố Ngã Bảy	Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, thành phố Ngã Bảy	30 km	Ngăn triều cho vùng cây ăn trái
2	Xây dựng kè chống sạt lở sông Mái Dầm (đoạn từ ngã ba Trạm y tế đến Ủy ban nhân dân xã Đông Phước và đoạn từ cầu BOT đến Vàm kênh Cái Muồng Cụt, huyện Châu Thành)	Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành	0,91 km	Tham gia chống sạt lở
3	Xây dựng kè chống sạt lở thị trấn Cây Dương	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Phụng Hiệp	0,95 km	Tham gia chống sạt lở
4	Xây dựng kè chống sạt lở tại các điểm xung yếu trên địa bàn tỉnh	Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, thành phố Ngã Bảy	Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp và thành phố Ngã Bảy	10 km	Tham gia chống sạt lở
5	Kè chống sạt lở kênh Xáng Xà No giai đoạn 3	Huyện Châu Thành A	Huyện Châu Thành A	2 km	

TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
6	Xây dựng hệ thống ô bao lớn kiểm soát mặn vùng triều biển Đông Phụng Hiệp - Long Mỹ	Huyện Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ	Huyện Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ	30 km	Tham gia kiểm soát mặn
II	**Cải tạo, nâng cấp**				
1	Nạo vét kênh 1000, 8000, 13000	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy		Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
2	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Phụng Hiệp	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Phụng Hiệp		Tham gia ngăn lũ, triều cường
3	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ		Tham gia ngăn lũ, triều cường
4	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy		Tham gia ngăn lũ, triều cường
5	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ		Tham gia ngăn lũ, triều cường
6	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước thành phố Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh		Tham gia ngăn lũ, triều cường
7	Nạo vét kênh trục KH9, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy và thành phố Vị Thanh	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy và thành phố Vị Thanh		Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở

TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
8	Nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi thuộc Hệ thống đê bao Ô Môn - Xà No; Hệ thống cống Nam Xà No	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy, thành phố Vị Thanh	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy, thành phố Vị Thanh		Tham gia ngăn lũ, triều cường, kiểm soát mặn
9	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi thuộc hệ thống đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Huyện Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	Huyện Long Mỹ, thành phố Vị Thanh		Tham gia ngăn lũ, triều cường, kiểm soát mặn
10	Nạo vét sông Nước Đục, Lái Hiếu, Nàng Mau, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh	Tỉnh Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang		Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
11	Nạo vét tuyến kênh trục (Kênh Trà Ban, kênh 13, kênh Bần Quỳ, kênh Long Mỹ 2)	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	47 km	Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
12	Xây dựng hệ thống đê bao ngăn mặn	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	61,5km	Tham gia ngăn lũ, triều cường, kiểm soát mặn
13	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng thủy lợi 8 ô mẫu; xây dựng ô bao Quýt đường; xây dựng hệ thống trạm bơm, cống kết hợp cầu giao thông trong khu vực	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh		Tham gia ngăn lũ, triều cường, kiểm soát mặn

TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
14	Dự án nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang	Huyện Phụng Hiệp, Vị Thủy, Long Mỹ	Huyện Phụng Hiệp, Vị Thủy, Long Mỹ	Nàng Mau 2 28 km; Kênh Hậu Giang 3 43,6 km	Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
15	Nạo vét kênh 13.000 - Long Điền - Xẻo Trâm - Xẻo Su, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh	Huyện Vị Thủy, huyện Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ	Huyện Vị Thủy, huyện Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ		Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
16	Nạo vét tuyến kênh Ba Liên - Cái Đĩa, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh	Huyện Vị Thủy, huyện Long Mỹ	Huyện Vị Thủy, huyện Long Mỹ		Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
17	Nạo vét tuyến kênh Long Mỹ 1 kết hợp hệ thống cống, đê bao ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp tạo sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ	Long Mỹ 1 khoảng 27 km	Tham gia ngăn mặn, trữ ngọt
18	Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang	54 trạm	
19	Đầu tư xây dựng các trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang	213 trạm	

TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
20	Cải tạo cống Hậu Giang 3 Long Mỹ	Huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ		Ngăn mặn, trữ ngọt và chống triều cường
21	Cải tạo các cửa cống hệ thống đê bao Ô Môn - Xà No tỉnh Hậu Giang	Huyện Vị Thủy, Châu Thành A, thành phố Vị Thanh	Huyện Vị Thủy, Châu Thành A, thành phố Vị Thanh		Ngăn mặn, trữ ngọt và chống triều cường
22	Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi do tỉnh quản lý	Huyện Vị Thủy, Phụng Hiệp, Châu Thành A, Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	Huyện Vị Thủy, Phụng Hiệp, Châu Thành A, Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh		Ngăn mặn, trữ ngọt và chống triều cường
23	Hệ thống cống ngăn mặn Nam kênh Xà No giai đoạn 2	Huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy		Ngăn mặn

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình thủy lợi phải phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch liên quan và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

Phụ lục XII

DANH MỤC NHÀ MÁY NƯỚC, TRẠM CẤP NƯỚC TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ

TT	Tên công trình	Nguồn nước	Công suất (m^3/ngày,đêm)	Địa điểm	Phạm vi cấp nước
I	**Xây dựng mới**				
1	Nhà máy nước	Kênh Xà No	40.000	Huyện Vị Thủy	Thành phố Vị Thanh, các thị trấn: Bảy Ngàn, Một Ngàn, Rạch Gòi, Kinh Cùng, Nàng Mau
2	Nhà máy nước	Kênh Nàng Mau 2	30.000	Huyện Vị Thủy	
II	**Nâng cấp, cải tạo**				
1	Nhà máy nước Sông Hậu (Aqua One) (nâng công suất từ 100.000m^3/ngđ lên 300.000 m^3/ngđ)	Sông Hậu	300.000	Huyện Châu Thành	Các thị trấn: Ngã Sáu, Mái Dầm, Cái Tắc
2	Trạm cấp nước Đông Phú (nâng công suất từ 1.300m^3/ngđ lên 2.700m^3/ngđ)	Nước ngầm	2.700	Huyện Châu Thành	

B. CẤP NƯỚC NÔNG THÔN

TT	Tên công trình	Công suất (m^3/ngày đêm)	Địa điểm	Phạm vi cấp nước
I	**Xây dựng mới**			
	Trạm cấp nước	4.800 m^3/ngđ	Huyện Long Mỹ	Xã Thuận Hòa, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ,

TT	Tên công trình	Công suất (m^3/ngày đêm)	Địa điểm	Phạm vi cấp nước
				xã Long Phú, xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ
II	**Nâng cấp, cải tạo**			
1	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Đông Thạnh	3.600 m^3/ngđ	Huyện Châu Thành	Xã Đông Thạnh, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành
2	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Nhơn Nghĩa A	3.600 m^3/ngđ	Huyện Châu Thành A	Xã Nhơn Nghĩa A, thị trấn Một Ngàn, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Vị Thủy	4.800 m^3/ngđ	Huyện Vị Thủy	Xã Vị Thủy, xã Vĩnh Thuận Tây huyện Vị Thủy, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh
4	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Long Thạnh	3.600 m^3/ngđ	Huyện Phụng Hiệp	Xã Long Thạnh, xã Tân Long, xã Hòa Mỹ, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp
5	Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Nàng Mau	7.200 m^3/ngđ	Huyện Vị Thủy	Thị trấn Nàng Mau, xã Vị Trung, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Tường, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy
6	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Thạnh Xuân	4.800 m^3/ngđ	Huyện Châu Thành A	Xã Thạnh Xuân, xã Nhơn Nghĩa A, thị trấn Rạch Gòi, huyện Châu Thành A

TT	Tên công trình	Công suất (m^3/ngày đêm)	Địa điểm	Phạm vi cấp nước
7	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung Vị Thanh 2	4.800 m^3/ngđ	Huyện Vị Thủy	Xã Vị Thanh, xã Vị Đông, xã Vị Bình, xã Vị Trung, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy
8	Cải tạo, mở rộng Hồ nước ngọt		Huyện Vị Thủy	Xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy nâng từ 50ha lên 100ha nhằm dự trữ, cung cấp nước cho thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy

Ghi chú:

- Các công trình cấp, thoát nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, địa điểm, công suất, diện tích, phạm vi cấp nước, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; phù hợp định hướng quy hoạch, tính khả thi, thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội của từng dự án.

Quy mô, công suất các nhà máy nước, trạm cấp nước có thể điều chỉnh để bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Vị trí, quy mô, công suất của đường ống truyền tải chính, đường ống truyền tải khu vực (cấp 1) và trạm bơm tăng áp trên các tuyến ống truyền tải được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo nhà máy nước, trạm cấp nước và phù hợp với nhu cầu cấp nước của địa phương.

Phụ lục XIII

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU VỰC ĐÔ THỊ TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên nhà máy	Vị trí	Công suất (m^3/ng.đ.)	Nguồn tiếp nhận	Hệ thống thu gom
1	Tiếp tục xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải	Thành phố Vị Thanh	3.000	Kênh Xà No	Thoát nước riêng
2	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải	Thị xã Long Mỹ	5.000	Hệ thống sông Nước Đục	Thoát nước riêng và nửa riêng
3	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải	Thành phố Ngã Bảy	3.800	Hệ thống sông trên địa bàn thành phố	Thoát nước riêng và nửa riêng
4	Nâng quy mô, công suất hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh từ 3.000 m^3/ngày đêm lên 8.500 m^3/ngày đêm	Thành phố Vị Thanh	8.500	Hệ thống Kênh Xà No	Thoát nước riêng và nửa riêng

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục XIV

DANH MỤC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu xử lý chất thải (*)	Địa điểm	Công suất
I	**Xây dựng mới**		
	Khu xử lý chất thải tập trung Hòa An (Nhà máy điện rác Hậu Giang)	Huyện Phụng Hiệp	600 tấn/ngày
II	**Nâng cấp, cải tạo**		
	Khu xử lý chất thải tập trung Kinh Cùng	Huyện Phụng Hiệp	45 tấn/ngày
III	**Xây mới nhà tang lễ, nhà hỏa táng**		
	Nhà tang lễ tỉnh Hậu Giang	Huyện Vị Thủy	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, công nghệ áp dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ.

(*) Sắp xếp theo phân loại khu xử lý chất thải bao gồm: khu xử lý chất thải sinh hoạt, khu xử lý chất thải công nghiệp thông thường, khu xử lý chất thải nguy hại, nhà máy, trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý nước thải.

Phụ lục XV

DANH MỤC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm
I	**Danh mục hạ tầng y tế nâng cấp, mở rộng**	
1	Trung tâm y tế thành phố Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy
2	Trung tâm y tế huyện Phụng Hiệp	Huyện Phụng Hiệp
3	Trung tâm y tế thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ
4	Trung tâm y tế huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy
5	Trung tâm y tế huyện Châu Thành A	Huyện Châu Thành A
6	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành
7	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
8	Bệnh viện đa khoa thành phố Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy
II	**Danh mục hạ tầng y tế thành lập, xây mới**	
1	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Thành phố Vị Thanh
2	Trung tâm Pháp y	Thành phố Vị Thanh
3	Trung tâm Giám định Y khoa	Thành phố Vị Thanh
4	Trung tâm y tế huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ
5	Trung tâm y tế thành phố Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh
6	Bệnh viện vệ tinh huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành
7	Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe, Tư vấn và Cung ứng dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Thành phố Vị Thanh
8	Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Vị Thanh

STT	Tên dự án	Địa điểm
9	Bệnh viện Phụ sản tỉnh Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
10	Bệnh viện Nhi tỉnh Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
11	Bệnh viện Da liễu tỉnh Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
12	Bệnh viện Tâm thần kinh	Thành phố Vị Thanh
13	Bệnh viện đa khoa thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình y tế khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

Phụ lục XVI

DANH MỤC HẠ TẦNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. KHỐI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, ĐẠI HỌC

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
1	Trường trung học phổ thông Phú Hữu	Huyện Châu Thành
2	Trường trung học phổ thông Ngã Sáu	Huyện Châu Thành
3	Trường trung học phổ thông Lê Hồng Phong	Huyện Vị Thủy
4	Trường trung học phổ thông Cái Tắc	Huyện Châu Thành A
5	Trường trung học phổ thông Chuyên Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh
6	Trường trung học phổ thông Tân Long	Huyện Phụng Hiệp
7	Trường trung học phổ thông Tầm Vu	Huyện Phụng Hiệp
8	Trường trung học phổ thông Tây Đô	Huyện Long Mỹ
9	Trường trung học phổ thông Vị Thủy	Huyện Vị Thủy
10	Trường trung học phổ thông Lương Tâm	Huyện Long Mỹ
11	Trường trung học phổ thông Nguyễn Minh Quang	Thành phố Ngã Bảy
12	Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh	Huyện Phụng Hiệp
13	Trường trung học phổ thông Chiêm Thành Tấn	Thành phố Vị Thanh
14	Trường trung học phổ thông Châu Thành A	Huyện Châu Thành A
15	Trường trung học phổ thông Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh
16	Trường trung học phổ thông Vĩnh Tường	Huyện Vị Thủy
17	Trường trung học phổ thông Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ
18	Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hậu Giang	Thị xã Long Mỹ
19	Trường trung học phổ thông Hòa An	Huyện Phụng Hiệp
20	Trường trung học phổ thông Trường Long Tây	Huyện Châu Thành A

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
21	Trường trung học phổ thông Lê Quý Đôn	Thành phố Ngã Bảy
22	Trường trung học phổ thông Cây Dương và Điểm Phân hiệu Búng Tàu	Huyện Phụng Hiệp
23	Trường trung học phổ thông Tân Phú	Thị xã Long Mỹ
24	Đại học Cần Thơ khu Hòa An (phát triển thành phân hiệu Đại học Cần Thơ tại tỉnh Hậu Giang)	Huyện Phụng Hiệp

B. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

STT	Công trình cải tạo nâng cấp	Địa điểm
1	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang	
	Cơ sở 1	Thành phố Vị Thanh
	Cơ sở 3	Thành phố Ngã Bảy
2	Trường Cao đẳng Luật miền Nam	Huyện Vị Thủy
3	Trường Cao đẳng Công nghệ Sài Gòn	Huyện Châu Thành A
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Phụng Hiệp	Huyện Phụng Hiệp
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Châu Thành A	Huyện Châu Thành A
10	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành
11	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy

STT	Công trình cải tạo nâng cấp	Địa điểm
12	Văn phòng Bảo hiểm thất nghiệp - Dịch vụ việc làm Cái Tắc - Thuộc Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hậu Giang	Huyện Châu Thành A
13	Văn phòng Bảo hiểm thất nghiệp - Dịch vụ việc làm Phụng Hiệp - Thuộc Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hậu Giang	Huyện Phụng Hiệp

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt quy hoạch, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình giáo dục đào tạo khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hậu Giang phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và nhu cầu thực tế của địa phương.

Phụ lục XVII

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ VĂN HÓA TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	**Công trình nâng cấp, tôn tạo**	
1	Di tích đền thờ Bác Hồ	Huyện Long Mỹ
2	Di tích Chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch của Quân và dân khu 9 (Chiến thắng Chương Thiện)	Huyện Long Mỹ
3	Di tích Chiến thắng Vàm Cái Sình	Thành phố Vị Thanh
4	Di tích Mỹ, Diệm tàn sát đồng bào khi lập Khu trù mật Vị Thanh - Long Mỹ	Thành phố Vị Thanh
5	Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ (1972 - 1975)	Huyện Phụng Hiệp
6	Di tích Chiến thắng Tầm Vu	Huyện Châu Thành A
7	Di tích Trụ sở Ủy ban Liên hợp Đình chiến Nam Bộ	Thành phố Ngã Bảy
8	Di tích Căn cứ Liên tỉnh Ủy Cần Thơ	Huyện Châu Thành
9	Di tích Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Châu Thành
10	Di tích Chiến thắng Chương Thiện	Thành phố Vị Thanh và huyện Long Mỹ
11	Di tích Chiến thắng Chày Đạp	Huyện Phụng Hiệp
12	Di tích địa điểm thành lập Tiểu đoàn Tây Đô	Huyện Phụng Hiệp
13	Di tích địa điểm thành lập Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam - Việt Nam tỉnh Cần Thơ, giai đoạn 1961- 1975	Huyện Châu Thành A
14	Di tích Trận chiến Pháo binh Vịnh Chèo 1974	Huyện Vị Thủy
15	Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ 1965 - 1968	Thành phố Vị Thanh
16	Di tích Căn cứ Thị ủy thị xã Vị Thanh (đầu tư mở rộng xây dựng phục hồi, tôn tạo)	Thành phố Vị Thanh

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
II	**Công trình xây dựng mới**	
1	Thư viện tỉnh	Thành phố Vị Thanh
2	Bảo tàng tỉnh	Thành phố Vị Thanh
3	Khu Văn hóa sự kiện và triển lãm	Thành phố Vị Thanh
4	Nhà văn hóa thiếu nhi	Thành phố Vị Thanh

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình văn hóa khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

Phụ lục XVIII

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CHỢ

STT	Tên chợ	Địa điểm
I	**XÂY MỚI**	
1	Chợ đầu mối nông sản	Thành phố Ngã Bảy
2	Khu phức hợp chợ kênh Xà No và khách sạn 4 sao	Thành phố Vị Thanh
II	**NÂNG CẤP CẢI TẠO**	
1	Chợ Nàng Mau	Huyện Vị Thủy
2	Chợ Bảy Ngàn	Huyện Châu Thành A
3	Chợ Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy
4	Chợ Ngã Sáu	Huyện Châu Thành
5	Chợ Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ

B. TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, SIÊU THỊ

STT	Tên	Địa điểm	Quy mô
I	**Trung tâm thương mại hạng I**		
	Trung tâm thương mại tỉnh	Thành phố Vị Thanh	16,61 ha
II	**Siêu thị hạng I**		
1	Xây mới 01 siêu thị	Thành phố Vị Thanh	3.500 m^2 trở lên/siêu thị
2	Xây mới 01 siêu thị	Thành phố Ngã Bảy	3.500 m^2 trở lên/siêu thị

Ghi chú: Tên, quy mô, phân hạng và phạm vi ranh giới các chợ, siêu thị sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập dự án đầu tư.

Phụ lục XIX

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI CÔNG LẬP TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở bảo trợ xã hội	Địa điểm
I	**Công trình nâng cấp, cải tạo**	
	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh	Huyện Vị Thủy
II	**Công trình xây dựng mới**	
	Cơ sở trợ giúp xã hội (thực hiện chức năng cai nghiện ma túy)	Thành phố Ngã bảy

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình an sinh xã hội khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

Phụ lục XX

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH HẬU GIANG, THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)			Ghi chú
			Hiện trạng 2020	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ*	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của Tỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I	**Tổng diện tích đất tự nhiên**		**162.223**	**162.223**	**162.223**	
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**140.439**	**132.515**	**132.200**	
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	78.912	73.964	73.964	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	78.912	73.964	73.964	
1.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	0	0	0	
1.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.752	1.482	1.482	
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	570	269	269	
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	506	269	269	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**21.784**	**29.708**	**30.023**	
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	66	272	272	
2.2	Đất an ninh**	CAN	611	606	668	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	433	2.233	2.233	
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	10.761	13.227	13.798	
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	3.626	5.562	5.562	

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)			Ghi chú
			Hiện trạng 2020	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ*	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của Tỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	40	150	150	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	47	120	120	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	456	715	7T5	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	43	82	576	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	184	533	533	
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2	4	4	
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0	0	0	
2.6	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	37	45	50	
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	63	90	90	
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**0**	**0**	**0**	
II	**KHU CHỨC NĂNG**					
1	**Đất khu công nghệ cao**		**0**	**0**	415	
2	**Đất khu kinh tế**		0	0	0	
3	**Đất đô thị**		**28.175**	**34.152**	**34.152**	

Ghi chú:

*Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

**Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

Phụ lục XXI

DANH MỤC CÁC KHU VỰC THUỘC VÙNG BẢO VỆ NGHIÊM NGẶT, VÙNG HẠN CHẾ PHÁT THẢI TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu vực	Vị trí	Quy mô (ha)
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt**		
1	*Rừng đặc dụng	Tỉnh Hậu Giang	1.482
2	Nội thành, nội thị của đô thị loại II: Thành phố Vị Thanh	Các phường: I, III, IV, V, VII	3.638,35
3	Nội thành, nội thị của đô thị loại III: Thành phố Ngã Bảy	Các phường: Ngã Bảy, Hiệp Thành, Lái Hiếu, Hiệp Lợi	3.921,03
4	Nội thành, nội thị của đô thị loại III: Thị xã Long Mỹ	Các phường: Thuận An, Bình Thạnh, Vĩnh Tường, Trà Lồng	4.372,94
5	Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	Theo danh sách được xác định	
6	Khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa	Theo vị trí từng khu di tích	6,9
II	**Hạn chế phát thải**		
1	**Vùng đệm của Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Huyện Phụng Hiệp	8.836, 07
2	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	Theo danh sách được xác định	182,66 (km)

STT	Tên khu vực	Vị trí	Quy mô (ha)
3	Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.		1.326,74

Ghi chú: Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang có trách nhiệm ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

* Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, tại Phụ lục số 60: Diện tích đất rừng đặc dụng là 1.482 ha.

** Theo Quyết định số 13/2002/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục XXII

DANH MỤC CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu bảo tồn	Phân loại	Vị trí	Quy mô (ha)
1	*Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Bảo tồn loài, sinh cảnh cấp tỉnh	Huyện Phụng Hiệp	2.805,37

Ghi chú: *Theo Quyết định số 13/2002/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục XXIII

DANH MỤC CÁC KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

TT	Tên khu vực mỏ, đề án thăm dò	Diện tích (ha)	Trữ lượng (tấn/m^3)
I	**Khu vực mỏ, đề án đã cấp**		
1	Cát san lấp	280	4.000.000
2	Sét gạch ngói	1870	22.080.000
II	**Khu vực mỏ, đề án cấp mới:** Không		

B. KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

TT	Tên khu vực mỏ, dự án khai thác	Diện tích (ha)	Trữ lượng huy động (tấn, m^3)	Công suất khai thác (tấn)
I	**Khu vực mỏ, dự án đã cấp**			
1	Cát san lấp	280	4.000.000	820.000
2	Sét gạch ngói	1870	22.080.000	500.000
II	**Khu vực mỏ, dự án cấp mới:** Không			

C. KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (SAU NĂM 2030)

STT	Loại khoáng sản	Tổng số các khu vực quy hoạch	Tổng diện tích (ha)	Tổng trữ lượng tài nguyên dự báo (m^3)	Phương án thăm dò, khai thác
	Than bùn	6	995	3.225.000	Quy hoạch thăm dò, khai thác giai đoạn 2030 - 2050

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang rà soát, xác định và điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định pháp luật hiện hành.

Phụ lục XXIV

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình, dự án
I	**HẠ TẦNG GIAO THÔNG VÀ LOGISTICS**
A	**Các dự án giao thông đối ngoại quan trọng và liên kết vùng**
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng tuyến nối Cần Thơ - Hậu Giang (quốc lộ 61C).
2	Dự án đầu tư xây dựng quốc lộ 91D (đoạn qua địa bàn tỉnh Hậu Giang).
3	Dụ án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ Nam Sông Hậu.
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh quốc lộ 61, tại thị trấn Kinh Cùng.
5	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường tỉnh 925.
6	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 925D.
7	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 926C.
8	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường tỉnh 927C.
9	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 928C.
10	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 929 (đoạn từ quốc lộ 61C đến ranh thành phố Cần Thơ)
11	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 930B.
B	**Các dự án kết nối cao tốc**
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh quốc lộ 61, tại thị trấn Cái Tắc.
2	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 925C.
3	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 925B (đoạn từ QL61 đến quốc lộ 1).
4	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 927D.
5	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 930.
6	Dự án cầu qua kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp.
7	Dự án cầu Bảy Ngàn qua kênh Xà No.

STT	Tên công trình, dự án
C	**Các dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**
1	Dự án đầu tư các cầu trên đường tỉnh 926.
2	Dự án đầu tư xây dựng các cầu trên đường tỉnh 927.
3	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 927B.
4	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng đường tỉnh 928.
5	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 928D.
6	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 931B.
7	Dự án đầu tư các cầu trên đường tỉnh 931B.
8	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 931C.
9	Dự án cầu Mười Ba Ngàn qua kênh Xà No.
10	Dự án cầu Nguyễn Chí Thanh.
11	Nâng tĩnh không cầu Nàng Mau, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy
D	**Các dự án đang triển khai đầu tư**
1	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang.
2	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ Xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây).
3	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối với tuyến Quản lộ Phụng, tỉnh Sóc Trăng.
4	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 927 (đoạn từ Thị trấn Cây Dương đến thành phố Ngã Bảy).
5	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 927 (đoạn từ Ngã ba Vĩnh Tường đến xã Phương Bình).
6	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 929 (đoạn từ ĐT.931B đến quốc lộ 61).
II	**KHU CÔNG NGHIỆP**
1	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Đông Phú
2	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Đông Phú 2

STT	Tên công trình, dự án
3	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Hậu 2
4	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Hòa
5	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Bình
6	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nhơn Nghĩa A
7	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Long Thạnh
8	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phú Tân
9	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phú Hữu
10	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Phước Hưng
11	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Bình II
12	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Bình III
13	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Phước Hưng
14	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vĩnh Viễn
III	**CỤM CÔNG NGHIỆP**
1	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thành phố Vị Thanh (Phần mở rộng)
2	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thị xã Long Mỹ
3	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Tân Phước Hưng
4	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Tân Thành

STT	Tên công trình, dự án
5	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vị Bình
6	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Phú Tân
7	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vĩnh Viễn
8	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vị Bình (phần mở rộng)
9	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lương Tâm
10	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hỏa Lựu 1
11	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vị Bình 2
12	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lương Tâm 2
13	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hỏa Lựu 2
IV	**PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**
1	Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng Mekong
2	Khu đô thị mới 927C
V	**DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI**
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tỉnh tại thành phố Vị Thanh
2	Đầu tư xây dựng chợ đầu mối nông sản tại thành phố Ngã Bảy
3	Đầu tư xây dựng Khu phức hợp chợ kênh Xà No và khách sạn 4 sao tại thành phố Vị Thanh
4	Trung tâm Hội chợ triển lãm và xúc tiến thương mại tại thành phố Ngã Bảy
5	Nâng cấp chợ Nàng Mau tại huyện Vị Thủy
6	Nâng cấp chợ Bảy Ngàn tại huyện Châu Thành A
7	Nâng cấp chợ Ngã Bảy tại thành phố Ngã Bảy
8	Nâng cấp chợ Ngã Sáu tại huyện Châu Thành
9	Nâng cấp chợ Long Mỹ tại thị xã Long Mỹ
VI	**LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**
1	Dự án phát triển sản xuất giống cây trồng chất lượng cao
2	Dự án phát triển dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp
3	Dự án phát triển ngành nghề nông thôn, tiểu thủ công nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp

STT	Tên công trình, dự án
4	Dự án liên kết đầu tư, trồng và sản xuất giống cây ăn quả (Mít) ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, xuất khẩu.
5	Bảo tồn và khôi phục quýt đường Long Trị kết hợp du lịch trải nghiệm
6	Dự án xây dựng vùng sản xuất lúa đạt chuẩn VietGAP
7	Dự án xây dựng vùng sản xuất sầu riêng đạt chuẩn VietGAP
8	Dự án xây dựng vùng sản xuất mít đạt chuẩn VietGAP
9	Dự án xây dựng vùng sản xuất khóm đạt chuẩn VietGAP
10	Dự án xây dựng vùng sản xuất chanh đạt chuẩn VietGAP
11	Dự án xây dựng vùng sản xuất rau màu đạt chuẩn VietGAP
12	Xây dựng mô hình sản xuất bưởi da xanh đạt tiêu chuẩn VietGAP
13	Phát triển diện tích trồng mít ruột đỏ theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ và phát triển du lịch
14	Nâng cấp, quản lý, cấp mới các vùng trồng tập trung và cơ sở đóng gói được cấp mã số xuất khẩu và tiêu thụ trong nước
15	Xây dựng hệ thống theo dõi và dự báo sâu rầy tự động (Bẫy đèn thông minh Rynan)
16	Đề án Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
VII	**LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN**
1	Dự án chuyển giao khoa học và công nghệ lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản tỉnh Hậu Giang đến năm 2030
2	Dự án phát triển hệ thống sản xuất giống thủy sản chất lượng cao
3	Dự án phát triển hệ thống sản xuất giống gia súc, gia cầm chất lượng cao
4	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Hậu Giang
5	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Hậu Giang
6	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tỉnh Hậu Giang

STT	Tên công trình, dự án
VIII	**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**
1	Dự án Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học Khu rừng đặc dụng thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
2	Dự án trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
3	Dự án du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
4	Dự án di dời dân cư từ khu bảo vệ nghiêm ngặt ra khu sản xuất của Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
5	Dự án cải tạo lung tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
IX	**LĨNH VỰC THỦY LỢI**
1	Xây dựng đê bao ngăn triều cho vùng cây ăn trái huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A và thành phố Ngã Bảy
2	Xây dựng kè chống sạt lở sông Mái Dầm (đoạn từ ngã ba Trạm y tế đến Ủy ban nhân dân xã Đông Phước và đoạn từ cầu BOT đến Vàm kênh Cái Muồng Cụt, huyện Châu Thành)
3	Xây dựng kè chống sạt lở thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
4	Xây dựng kè chống sạt lở tại các điểm xung yếu trên địa bàn tỉnh
5	Kè chống sạt lở kênh xáng Xà No giai đoạn 3
6	Nạo vét kênh trục KH9, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh
7	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi thuộc hệ thống đê bao Ô Môn - Xà No; hệ thống cống Nam Xà No
8	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi thuộc hệ thống đê bao Long Mỹ - Vị Thanh
9	Nạo vét sông Nước Đục - Lái Hiếu, Nàng Mau, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh
10	Chống chịu khí hậu tổng hợp và chuyển đổi sinh kế vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững và thịnh vượng (WB11)
11	Dự án nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang

STT	Tên công trình, dự án
12	Nạo vét kênh 13.000 - Long Điền - Xẻo Trâm - Xẻo Su, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh
13	Nạo vét tuyến kênh Ba Liên - Cái Đĩa, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh
14	Nạo vét tuyến kênh Long Mỹ 1 kết hợp hệ thống cống, đê bao ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp tạo sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
15	Xây dựng hệ thống ô bao lớn kiểm soát mặn vùng triều biển Đông Phụng Hiệp - Long Mỹ tỉnh Hậu Giang
16	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Phụng Hiệp
17	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Long Mỹ
18	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Vị Thủy
19	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước thị xã Long Mỹ
20	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước thành phố Vị Thanh
21	Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
22	Đầu tư xây dựng các trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
23	Bố trí dân cư vùng thiên tai tuyến sông Mái Dầm huyện Châu Thành
24	Bố trí dân cư vùng thiên tai trên địa bàn huyện Châu Thành A tỉnh Hậu Giang
25	Bố trí dân cư vùng thiên tai trên địa bàn thành phố Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang
26	Bố trí dân cư vùng thiên tai trên địa bàn huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang
X	**VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
1	Du lịch sinh thái Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
2	Khu du lịch Hồ Sen
3	Khu du lịch sinh thái Kênh Lầu
4	Khu du lịch hồ Tam Giác
5	Khu du lịch căn cứ Thị xã ủy Vị Thanh
6	Vùng Du lịch cộng đồng Quýt đường Long Trị
7	Làng du lịch Sinh thái - Văn hóa Tầm Vu
8	Khu du lịch Hồ Nước Ngọt

STT	Tên công trình, dự án
9	Khu du lịch sinh thái Việt Úc - Hậu Giang
10	Khu dịch vụ đô thị sinh thái thuộc vùng đệm Lung Ngọc Hoàng
11	Sân gôn (golf) ở khu du lịch nghỉ dưỡng Mê Kông
12	Sân gôn (golf) ở huyện Phụng Hiệp
13	Sân gôn (golf) ở huyện Long Mỹ
XI	**Y TẾ**
1	Bệnh viện cấp cứu tim mạch - đột quỵ
2	Bệnh viện chấn thương - chỉnh hình - phục hồi chức năng
3	Bệnh viện ung bướu hoặc nội tiết
4	Trung tâm cấp cứu 115
5	Viện dưỡng lão - nghỉ dưỡng - an dưỡng
6	Khu nhà ở xã hội cho nhân viên y tế
7	Khu nuôi trồng - chế biến dược liệu
8	Các phòng khám đa khoa chất lượng cao, các dịch vụ y tế
XII	**CẢI THIỆN HẠ TẦNG XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**
1	Tiếp tục triển khai dự án Nâng cấp, mở rộng bãi rác Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp
2	Dự án Phát triển đô thị xanh thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang
3	Tiếp tục triển khai "Dự án Xây dựng hệ thống quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động giai đoạn 2"
4	Dự án cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường bãi rác Tân Tiến
5	Dự án cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường bãi rác Long Mỹ
6	Tiếp tục Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh
7	Dự án xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Long Mỹ
8	Nâng quy mô, công suất hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh từ 3.000 m^3/ngày đêm lên 8.500 m^3/ngày đêm

STT	Tên công trình, dự án
XIII	**BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC**
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
2	Điều tra, lập danh mục loài ngoại lai xâm hại và đề xuất các giải pháp ngăn ngừa, kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh
3	Quan trắc đa dạng sinh học, thiết lập các ô định vị theo dõi diễn biến về đa dạng sinh học
4	Quan trắc biến đổi đa dạng sinh học các thủy vực trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu
XIV	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**
1	Dự án: "Xây dựng Khu thực nghiệm, bảo tồn nguồn gen và ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh Hậu Giang".
2	Khu công nghệ số tỉnh Hậu Giang
XV	**HẠ TẦNG ĐÔ THỊ**
1	Dự án Nhà máy nước Vị Bình
2	Dự án Nhà máy nước Vĩnh Tường

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và các quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục nêu trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương,... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Phụ lục XXV

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	TÊN SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ	TỶ LỆ
A	**Sơ đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1.000.000**	
	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh	1:250.000
B	**Sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000**	
1	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	1:50.000
2	Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	1:50.000
3	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:50.000
4	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:50.000
5	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1:50.000
6	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1:50.000
7	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:50.000
8	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:50.000
9	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:50.000
10	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1:50.000
11	Sơ đồ vị trí các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch	1:50.000
12	Sơ đồ chuyên đề	1:50.000